

**VIỆN HÀN LÂM
KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI**

HOÀNG THỊNH

**TỘI PHÁ HOẠI CHÍNH SÁCH ĐOÀN KẾT
THEO PHÁP LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM**

Chuyên ngành: Luật hình sự và tổ tụng hình sự

Mã số : 60.38.01.04

LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC

NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC: PGS.TS. Trần Văn Luyện

Hà Nội, năm 2017

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan đây là công trình nghiên cứu của riêng bản thân, được thực hiện trên cơ sở nghiên cứu lý luận, khảo sát tình hình thực tiễn quy định và áp dụng các quy định của pháp luật hình sự về tội phá hoại chính sách đoàn kết, dưới sự hướng dẫn khoa học của *PGS.TS Trần Văn Luyện*. Các số liệu nêu trong luận văn có tính chất tham khảo. Các kết quả nghiên cứu chưa từng được công bố trong bất kì công trình nào.

Tác giả luận văn

Hoàng Thịnh

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

ANQG : An ninh quốc gia

ANTT : An ninh trật tự

BLHS : Bộ luật hình sự

CNXH : Chủ nghĩa xã hội

PLHS : Pháp luật hình sự

TTATXH : Trật tự an toàn xã hội

XHCN : Xã hội chủ nghĩa

DANH MỤC CÁC BẢNG BIỂU

Biểu đồ 2.1: Tình hình tội phạm phá hoại chính sách đoàn kết từ năm 2000 đến năm 2016 (Nguồn: Bộ Công an)	36
Biểu đồ 2.2: Tỷ lệ phần trăm (%) về số vụ án phá hoại chính sách đoàn kết từ năm 2000 đến năm 2016 (Nguồn: Bộ Công an)	36
Biểu đồ 2.3: Tỷ lệ phần trăm (%) về số bị can phá hoại chính sách đoàn kết từ năm 2000 đến năm 2016 (Nguồn: Bộ Công an)	37

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU.....	1
Chương 1: MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VÀ LỊCH SỬ LẬP PHÁP HÌNH SỰ VIỆT NAM VỀ TỘI PHÁ HOẠI CHÍNH SÁCH ĐOÀN KẾT.....	7
1.1. Những vấn đề lý luận về tội phá hoại chính sách đoàn kết	7
1.2. Lịch sử lập pháp hình sự Việt Nam về tội phá hoại chính sách đoàn kết đến trước khi ban hành Bộ luật hình sự năm 1999	22
Chương 2: QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HÌNH SỰ HIỆN HÀNH VỀ TỘI PHÁ HOẠI CHÍNH SÁCH ĐOÀN KẾT VÀ THỰC TIỄN ÁP DỤNG.....	31
2.1. Quy định của pháp luật hình sự hiện hành về tội phá hoại chính sách đoàn kết.....	31
2.2. Thực tiễn áp dụng các quy định của pháp luật hình sự về tội phá hoại chính sách đoàn kết.....	35
Chương 3: CÁC GIẢI PHÁP BẢO ĐẢM ÁP DỤNG ĐÚNG CÁC QUY PHẠM PHÁP LUẬT VỀ TỘI PHÁ HOẠI CHÍNH SÁCH ĐOÀN KẾT	53
3.1. Hoàn thiện các quy định của pháp luật hình sự Việt Nam về tội phá hoại chính sách đoàn kết.....	53
3.2. Các giải pháp khác.....	60
KẾT LUẬN	75
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	77
PHỤ LỤC	81

MỞ ĐẦU

Đoàn kết là truyền thống quý báu ngàn đời bất diệt của dân tộc ta. Truyền thống đó luôn được Đảng, Nhà nước ta quan tâm, gìn giữ, phát triển và xác định là chính sách cơ bản, nền tảng, xuyên suốt trong mọi thời kỳ cách mạng. Đây vừa là công cụ vững chắc để huy động, tập hợp mọi nguồn trí lực, vật lực, tâm lực vào sự nghiệp xây dựng Tổ quốc Việt Nam XHCN, vừa là vũ khí sắc bén để trấn áp, đập tan mọi âm mưu và hoạt động chống phá cách mạng của các thế lực thù địch.

Hiện nay, tình hình thế giới và khu vực diễn biến nhanh chóng, phức tạp và khó lường. Bản đồ thế giới trở nên xáo trộn bởi các âm mưu chính trị và toan tính về lợi ích giữa các cường quốc. Chủ nghĩa khủng bố, chủ nghĩa tôn giáo cực đoan, chủ nghĩa ly khai dân tộc đã và đang trở thành những tác nhân cơ bản dẫn tới sự sụp đổ các nhà nước hợp hiến, hợp pháp, sự tan rã các quốc gia dân tộc. Tất cả các yếu tố đó đã tác động mạnh mẽ tới tình hình ANTT nước ta, tạo niềm tin và ảo tưởng chính trị đối với các đối tượng phản động, thúc đẩy sự liêu lĩnh, manh động trong các hoạt động chống phá, gây tâm lý hoang mang, nghi ngờ trong quần chúng nhân dân. Cùng với đó, nước ta là quốc gia đa dân tộc, đa tôn giáo, đang trong thời kỳ quá độ đi lên CNXH nên tiềm ẩn nhiều nguy cơ gây chia rẽ khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Lợi dụng các yếu tố đó, các thế lực thù địch triệt để lợi dụng vấn đề “dân chủ”, “nhân quyền”, “tự do tôn giáo”, “bình đẳng dân tộc”... để lừa phỉnh quần chúng nhẹ dạ, cả tin, thiếu hiểu biết, tập hợp lực lượng, thực hiện các hoạt động phá rối an ninh, bạo loạn, lật đổ.

Phá hoại chính sách đoàn kết là một trong những phương thức, chiến lược cơ bản, lâu dài của các thế lực thù địch và các đối tượng phản động nhằm phá vỡ nền an ninh nhân dân và thế trận quốc phòng toàn dân. Tội phá hoại chính sách đoàn kết được Nhà nước ta quy định từ khá sớm trong PLHS,

tạo cơ sở pháp lý vững chắc cho việc xử lý và trấn áp các đối tượng phạm tội như Sắc lệnh số 133-SL ngày 20/01/1953 của Chủ tịch nước Việt Nam dân chủ Cộng hòa về trừng trị các loại Việt gian và phản động; Pháp lệnh về trừng trị các tội phản cách mạng được Ủy ban Thường vụ Quốc hội nước Việt Nam dân chủ cộng hòa thông qua ngày 30-10-1967; Sắc luật số 03/SL-76 của Hội đồng Chính phủ quy định về tội phạm và hình phạt năm 1976...

Cùng với đó, trong những năm qua, nhằm đáp ứng yêu cầu bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới, các cơ quan bảo vệ pháp luật đã và đang tích cực đấu tranh, ngăn chặn các hành vi gây chia rẽ giữa các tầng lớp nhân dân, giữa nhân dân với chính quyền nhân dân, lực lượng vũ trang nhân dân, các tổ chức chính trị - xã hội; gây hằn thù, kỳ thị, chia rẽ, ly khai dân tộc, xâm phạm quyền bình đẳng trong cộng đồng các dân tộc Việt Nam; gây chia rẽ người theo tôn giáo với người không theo tôn giáo, giữa người theo các tôn giáo khác nhau, chia rẽ các tín đồ tôn giáo với chính quyền nhân dân, với các tổ chức chính trị - xã hội; phá hoại việc thực hiện chính sách đoàn kết quốc tế góp phần tích cực vào cuộc đấu tranh phòng, chống tội phạm nói chung, tội phá hoại chính sách đoàn kết nói riêng.

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đã đạt được, công tác đấu tranh, phòng, chống tội phạm phá hoại chính sách đoàn kết còn bộc lộ nhiều hạn chế do những bất cập trong quy định của PLHS về loại tội phạm này và các vướng mắc trong quá trình áp dụng pháp luật, ảnh hưởng tới quá trình xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền XHCN. Ngoài ra, cũng chưa có nhiều công trình nghiên cứu khoa học đi sâu nghiên cứu về tội phạm này trong tình hình hiện nay. Vì vậy, việc nghiên cứu sâu sắc những vấn đề lý luận về tội phá hoại chính sách đoàn kết và thực trạng quá trình điều tra, truy tố, xét xử tội phạm này trong thực tiễn có tính cấp bách và mang ý nghĩa lý luận - thực tiễn và pháp lý quan trọng. Đây cũng là lý do luận chứng cho việc tác giả lựa chọn

đề tài “*Tội phá hoại chính sách đoàn kết theo pháp luật hình sự Việt Nam*” làm luận văn thạc sĩ của mình.

2. Tình hình nghiên cứu đề tài

Trong những năm gần đây, tội phá hoại chính sách đoàn kết đã và đang được một số nhà khoa học quan tâm nghiên cứu dưới nhiều góc độ khác nhau trên cả phương diện lý luận lẫn thực tiễn như: Luận án Tiến sĩ: *Các tội xâm phạm ANQG trong Luật hình sự Việt Nam*” của tác giả Bạch Thành Định, Trường Đại học Luật Hà Nội, năm 2001; Luận văn Thạc sĩ: “*Tội phá hoại chính sách đoàn kết trong luật hình sự Việt Nam*” của tác giả Phạm Thị Khánh Toàn, Đại học Quốc gia Hà Nội, năm 2010; Luận văn Thạc sĩ: “*Tội phá hoại chính sách đoàn kết trong Luật hình sự Việt Nam (trên cơ sở số liệu thực tiễn ở Tây Nguyên)*” của tác giả Đỗ Văn Dũng, Đại học Quốc gia Hà Nội, năm 2015; sách “*Bảo vệ ANQG, an ninh quốc tế và các quyền con người bằng PLHS trong giai đoạn xây dựng Nhà nước pháp quyền*”, của GS.TSKH Lê Văn Cẩm, Nxb Tư pháp, Hà Nội, 2007; GS.TSKH Lê Cẩm: “*Những vấn đề lý luận về bảo vệ ANQG bằng PLHS trong giai đoạn xây dựng Nhà nước pháp quyền*”, “*Bình luận khoa học BLHS Việt Nam - Phần các tội phạm*” TS. Trần Văn Luyện (chủ biên) và các tác giả PGS.TS Phùng Thế Vắc, TS Nguyễn Đức Mai, ThS Mai Văn Bộ, Nxb.CAND, năm 2010; “*Bảo vệ ANQG bằng PLHS*” trong sách chuyên khảo: *Bảo vệ ANQG và ANQT bằng PLHS trong giai đoạn xây dựng Nhà nước pháp quyền*, TSKH, PSG. Lê Cẩm chủ biên, Nxb Tư pháp, năm 2007; “*Các tội xâm phạm ANQG và vấn đề hoàn thiện luật hình sự qui định trách nhiệm hình sự với các tội xâm phạm ANQG*” trong sách chuyên khảo: *Luật hình sự Việt Nam - Những vấn đề lý luận và thực tiễn*, Trường Đại học Luật Hà Nội, Nxb CAND, năm 2007; bài báo “*Lựa chọn tội danh trong xử lý các đối tượng xâm phạm ANQG*”, của tác giả Nguyễn Anh Tuấn, Tạp chí Khoa học và Giáo dục An ninh, số 03/2008...

Tuy nhiên, nhìn chung các công trình nghiên cứu vẫn chưa mang tính khái quát cao, thiếu tính toàn diện và hệ thống, còn đánh đồng hành vi của tội phá hoại chính sách đoàn kết với một số tội phạm khác trong nhóm các tội xâm phạm ANQG. Đồng thời, loại tội phạm này vẫn chưa được nghiên cứu đầy đủ, toàn diện dưới góc độ lịch sử lập pháp của nước ta. Từ đó, dẫn tới việc áp dụng pháp luật gặp nhiều khó khăn trên thực tế.

3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

Luận văn có mục đích quan trọng là bổ sung một số vấn đề lý luận và thực tiễn các quy định về tội phá hoại chính sách trong PLHS Việt Nam hiện nay. Nêu lên những bất cập, vướng mắc trong thực tiễn áp dụng. Từ đó, đề xuất một số kiến nghị nhằm hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả áp dụng các quy định của PLHS Việt Nam đối với loại tội phạm này.

Nhằm đạt được mục đích nghiên cứu, luận văn tập trung làm rõ những vấn đề sau:

- *Về mặt lý luận:* Làm sáng tỏ những vấn đề lý luận về tội phá hoại chính sách đoàn kết, lịch sử hình thành và phát triển của tội phá hoại chính sách đoàn kết trong tiến trình phát triển của PLHS Việt Nam, ý nghĩa của việc ghi nhận tội phá hoại chính sách đoàn kết.

- *Về mặt thực tiễn:* Trên cơ sở phân tích, đánh giá thực tiễn áp dụng những quy định của PLHS đối với tội phá hoại chính sách đoàn kết, đề xuất một số giải pháp nhằm hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả đấu tranh phòng, chống tội phạm này ở nước ta hiện nay.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

4.1. Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu của luận văn là những quy định của PLHS Việt Nam về tội phá hoại chính sách đoàn kết từ sau Cách mạng tháng 8 năm 1945 tới nay; PLHS của một số quốc gia trên thế giới; thực tiễn áp dụng các quy

định của PLHS Việt Nam về tội phá hoại chính sách đoàn kết trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử.

4.2. Phạm vi nghiên cứu

Phạm vi nghiên cứu về không gian của luận văn là tất cả các tỉnh, thành phố nước ta để có những đánh giá tổng quan nhất.

Phạm vi nghiên cứu về thời gian của luận văn. Do nguồn dữ liệu được lưu trữ trong các giai đoạn lịch sử từ năm 1945 tới nay đôi chỗ không thống nhất nên số liệu thực tiễn trong luận văn được thống kê cụ thể trong giai đoạn 16 năm trở lại đây, tính từ thời điểm BLHS năm 1999 có hiệu lực thi hành (2000 - 2016).

5. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu

Luận văn được thực hiện trên cơ sở phương pháp luận duy vật biện chứng và duy vật lịch sử của chủ nghĩa Mác – Lênin; tư tưởng Hồ Chí Minh, quan điểm của Đảng và Nhà nước về đấu tranh chống tội phạm trong quá trình xây dựng nhà nước pháp quyền tại Việt Nam, cũng như những kiến thức của khoa học pháp lý hình sự, tội phạm học, luật học, xã hội học pháp luật...

Luận văn sử dụng các phương pháp nghiên cứu của khoa học luật hình sự và tội phạm học như: phương pháp thống kê hình sự, phương pháp phân tích và so sánh, phương pháp tổng hợp, thống kê... Đồng thời, việc nghiên cứu đề tài còn dựa trên các văn bản pháp luật của nhà nước và những giải thích thống nhất có tính chất chỉ đạo thực tiễn xét xử tội phá hoại chính sách đoàn kết của Tòa án nhân dân tối cao.

6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của luận văn

Luận văn là một công trình nghiên cứu vừa có ý nghĩa về mặt lý luận, vừa có ý nghĩa về mặt thực tiễn đối với cuộc đấu tranh phòng, chống tội phá hoại chính sách đoàn kết ở Việt Nam.

- Về mặt lý luận: Việc nghiên cứu thành công luận văn là tạo cơ sở bổ sung các quan điểm lý luận một cách hệ thống và toàn diện về tội phá hoại

chính sách đoàn kết, là tài liệu tham khảo trong công tác đào tạo và nghiên cứu khoa học pháp lý hình sự.

- *Về mặt thực tiễn*: Trên cơ sở phân tích, đánh giá những hạn chế, bất cập trong những quy định của PLHS và từ những khó khăn, vướng mắc trong thực tiễn áp dụng PLHS đối với tội phá hoại chính sách đoàn kết, những đề xuất giải pháp nêu trong luận văn góp phần nâng cao hiệu quả của cuộc đấu tranh phòng, chống tội phạm nói chung và tội phá hoại chính sách đoàn kết nói riêng.

7. Cơ cấu của luận văn

Ngoài phần mở đầu và kết luận, danh mục tài liệu tham khảo và phụ lục, nội dung của luận văn gồm 3 chương:

Chương 1: Những vấn đề lý luận và lịch sử lập pháp hình sự Việt Nam về tội phá hoại chính sách đoàn kết

Chương 2: Quy định của pháp luật hình sự hiện hành về tội phá hoại chính sách đoàn kết và thực tiễn áp dụng

Chương 3: Các giải pháp bảo đảm áp dụng đúng các quy phạm pháp luật về tội phá hoại chính sách đoàn kết

Chương 1

MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VÀ LỊCH SỬ LẬP PHÁP HÌNH SỰ VIỆT NAM VỀ TỘI PHÁ HOẠI CHÍNH SÁCH ĐOÀN KẾT

1.1. Những vấn đề lý luận về tội phá hoại chính sách đoàn kết

1.1.1. Khái niệm và các dấu hiệu pháp lý

1.1.1.1. Khái niệm

Xã hội là hình thái vận động cao nhất của thế giới vật chất, lấy con người và sự tác động lẫn nhau giữa con người làm nền tảng. Trong sự vận động và phát triển, xã hội nảy sinh những vấn đề có ảnh hưởng, thậm chí đe dọa sự phát triển bình thường, tác động xấu đến chất lượng sống của con người, của cộng đồng, đòi hỏi những giải pháp, biện pháp kiểm soát, phòng ngừa, ngăn chặn, điều chỉnh hoặc giải quyết theo hướng đảm bảo sự phát triển bền vững của xã hội. Trong xã hội được tổ chức thành nhà nước, việc giải quyết các vấn đề xã hội thường thông qua hệ thống chính sách của nhà nước.

Chính sách là một phạm trù quan trọng trong quản lý các hoạt động của con người, là công cụ để điều chỉnh, giải quyết các vấn đề xã hội của Nhà nước. Bất cứ Nhà nước nào cũng xây dựng và tổ chức thực hiện những chính sách phục vụ lợi ích của giai cấp cầm quyền, điều hòa các quan hệ trong xã hội đảm bảo ANTT. Chính sách là hình thức biểu hiện của chính trị, là linh hồn của pháp luật.

Theo Từ điển tiếng Việt “*chính sách là sách lược và kế hoạch cụ thể nhằm đạt một mục đích nhất định, dựa vào đường lối chính trị chung và tình hình thực tế mà đề ra*” [22, tr.240]. Theo cách hiểu này, chính sách được nhìn nhận là một bộ phận trong chuỗi những hoạt động mà nhà nước xác lập, lựa chọn với tính toán, chủ đích cụ thể, rõ ràng tác động tới mọi mặt trong đời sống xã hội.

Theo tác giả Vũ Cao Đàm, “*chính sách là một tập hợp biện pháp được thể chế hóa, mà một chủ thể quyền lực, hoặc chủ thể quản lý đưa ra, trong đó tạo sự ưu đãi một hoặc một số nhóm xã hội, kích thích vào động cơ hoạt động của họ nhằm thực hiện một mục tiêu ưu tiên nào đó trong chiến lược phát triển của một hệ thống xã hội*” [14, tr.58]. Theo tác giả thì khái niệm “*hệ thống xã hội*” được hiểu theo một ý nghĩa khái quát, có thể là một quốc gia, một khu vực hành chính, một doanh nghiệp, một nhà trường.

Từ những phân tích trên, có thể hiểu chính sách là sự cụ thể hóa đường lối, chủ trương, quan điểm của chính đảng và nhà nước trong giải quyết các vấn đề nảy sinh trong quá trình phát triển; đề ra và thực thi các ưu đãi, hỗ trợ mang tính hoàn lại hoặc không hoàn lại tác động vào các chủ thể trong xã hội nhằm đạt đến các mục tiêu ưu tiên được đề cập trong các chiến lược phát triển của đất nước theo từng thời kỳ, giai đoạn cụ thể.

Thực tiễn cho thấy, nếu không có chính sách hoặc có chính sách nhưng không phù hợp với đời sống xã hội, không có hiệu quả khi thực thi thì mọi đường lối, chủ trương, chiến lược và mục tiêu đề ra trong quản lý xã hội đều khó có thể thực hiện được. Chính sách là phương thức để thực tiễn hóa tư duy, mong muốn của Nhà nước trong quản lý xã hội.

Chính sách đoàn kết là một bộ phận của chính sách xã hội nhằm tập hợp, phát huy sức mạnh của quần chúng nhân dân trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN, bao gồm chính sách đoàn kết dân tộc, chính sách đoàn kết tôn giáo... Chính sách đoàn kết được thể hiện trước hết thông qua tư tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Ở Người, đoàn kết đã trở thành một trong những tư tưởng cơ bản, nhất quán và xuyên suốt, là chiến lược tập hợp lực lượng quần chúng nhân dân, đấu tranh với kẻ thù dân tộc và giai cấp. Đoàn kết không phải là một thủ đoạn, một tiêu xảo để thực hiện các mục tiêu chính trị, mà phải xuất phát từ cái tâm, cái tầm của một người đã

dành cả cuộc đời hi sinh cho sự nghiệp giải phóng dân tộc, chăm lo đời sống nhân dân. Và trước lúc đi xa, Người vẫn căn dặn: "Đoàn kết là một truyền thống cực kỳ quý báu của đảng và của dân ta. Các đồng chí từ Trung ương đến các chi bộ cần phải giữ gìn sự đoàn kết nhất trí của Đảng như giữ gìn con ngươi của mắt mình" [20, tr.9].

Thấm nhuần tư tưởng đại đoàn kết toàn dân tộc của Người, Đảng và Nhà nước ta luôn xác định chính sách đoàn kết là một trong những chính sách cơ bản, nền tảng và xuyên suốt mọi thời kỳ cách mạng. Trong các văn kiện của Đảng, đoàn kết luôn được nhấn mạnh với vai trò là ngọn nguồn sức mạnh dân tộc, là nội dung cốt lõi trong chiến lược phát triển đất nước. Tại Nghị quyết Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XI, Đảng ta đã xác định "*Đại đoàn kết toàn dân tộc là đường lối chiến lược của cách mạng Việt Nam, là động lực và nguồn lực to lớn trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc*". [12, Tr.135]

Cùng với đó, chính sách đoàn kết cũng được Nhà nước ta thể chế hóa thông qua Hiến pháp và hệ thống pháp luật. Ngay trong lời nói đầu của Hiến pháp nước Cộng hòa XHCN Việt Nam năm 2013, đoàn kết đã được ghi nhận là một giá trị thiêng liêng của dân tộc "*Trải qua mấy nghìn năm lịch sử, Nhân dân Việt Nam lao động cần cù, sáng tạo, đấu tranh anh dũng để dựng nước và giữ nước, đã hun đúc nên truyền thống yêu nước, đoàn kết, nhân nghĩa, kiên cường, bất khuất và xây dựng nên nền văn hiến Việt Nam*" [27, tr.7].

Trên cơ sở pháp luật, chính sách đoàn kết được Đảng và Nhà nước cụ thể hoá trong các chiến lược, kế hoạch, chương trình, dự án đầu tư phát triển về kinh tế, văn hóa, xã hội,... như chương trình xóa đói, giảm nghèo, Chương trình 135 về phát triển kinh tế - xã hội các xã đặc biệt khó khăn ở miền núi, vùng sâu, vùng xa. Cùng với đó, Đảng, Nhà nước ta hết sức coi trọng việc thực hiện chính sách đoàn kết quốc tế. Đại hội VII năm 1991, Đảng ta đã tuyên bố đường lối đối ngoại rộng mở: Việt Nam muốn là bạn với tất cả các nước trong

cộng đồng thế giới, phấn đấu vì hòa bình, độc lập, phát triển. Và tới Đại hội XII, Đảng ta tiếp tục khẳng định “thực hiện nhất quán đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, hòa bình, hợp tác và phát triển; đa dạng hóa, đa phương hóa trong quan hệ đối ngoại; chủ động và tích cực hội nhập quốc tế; là bạn, là đối tác tin cậy và thành viên có trách nhiệm của cộng đồng quốc tế” [13, tr.152].

Như vậy, trên cơ sở những phân tích trên, có thể quan niệm *chính sách đoàn kết là bộ phận của chính sách xã hội xác định những phương hướng cơ bản của Đảng và Nhà nước trong hoạt động lập pháp và áp dụng pháp luật nhằm huy động sức mạnh quần chúng nhân dân vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN.*

Theo Từ điển tiếng Việt, “*phá hoại là hành vi cố ý không làm hoặc làm cho hư hỏng, cho bị thiệt hại nặng nề*” [22, tr.825]. Phá hoại chính sách đoàn kết thực chất là hành vi cố ý xâm hại tới việc xây dựng và thực hiện chính sách đoàn kết của Đảng và Nhà nước ta, làm chính sách mất một phần hoặc toàn bộ giá trị, tạo khoảng cách và gây xung đột giữa các nhóm người, các tầng lớp, giai cấp, dân tộc, phá vỡ sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc. Từ đó, khiến tình hình ANTT trong nước trở nên xáo trộn, nảy sinh nhiều tình huống phức tạp, là thời cơ để các đối tượng phản động tổ chức phá rối an ninh, bạo loạn, lật đổ,.. tạo điều kiện để các thế lực thù địch nước ngoài can thiệp vào công việc nội bộ. Xuất phát từ tính chất và mức độ nguy hiểm của hành vi, phá hoại chính sách đoàn kết là một loại tội phạm được quy định tại Điều 87, thuộc Chương XI Các tội xâm phạm ANQG trong BLHS năm 1999.

Với tư cách là một loại tội phạm, phá hoại chính sách đoàn kết phải thỏa mãn đầy đủ các dấu hiệu của tội phạm. Trong công trình nghiên cứu pháp lý Những vấn đề cơ bản trong khoa học luật hình sự (Phần chung), GS.TSKH Lê Văn Cẩm cho rằng, tội phạm phải đầy đủ ba bình diện tương ứng với năm đặc điểm (dấu hiệu của nó) là: Bình diện khách quan: tội phạm

là hành vi nguy hiểm cho xã hội (1) ; bình diện pháp lý: tội phạm là hành vi trái pháp luật (2); bình diện chủ quan: tội phạm là hành vi do người có năng lực trách nhiệm hình sự (3), đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự (4) thực hiện một cách cố lỗi (5) [6, tr.297].

Cùng với đó, khái niệm về tội phá hoại chính sách đoàn kết đã có nhiều nhà khoa học, nhà nghiên cứu nghiên cứu như: Trong công trình nghiên cứu pháp lý "Bảo vệ ANQG, an ninh quốc tế và các quyền con người bằng PLHS" GS.TSKH Lê Cẩm cho rằng: "*là bất kỳ hành vi nào (được liệt kê tại điều luật đó) xâm phạm hoặc đe dọa xâm phạm đến việc thực hiện chính sách đoàn kết được PLHS bảo vệ nhằm mục đích chống chính quyền nhân dân*" [3, tr.114] hay Giáo trình Luật hình sự Việt Nam, Tập I, trường Đại học Luật Hà Nội có quan điểm cho rằng: "*Tội phá hoại chính sách đoàn kết là hành vi tuyên truyền, kích động hoặc bằng thủ đoạn khác chia rẽ sự đoàn kết thống nhất toàn dân, đoàn kết dân tộc, tôn giáo, đoàn kết quốc tế với mục đích chống chính quyền nhân dân*" [36, tr.324].

Trên cơ sở phân tích trên, ta có thể quan niệm *tội phá hoại chính sách đoàn kết là hành vi gây chia rẽ khối đại đoàn kết toàn dân tộc, chia rẽ nước ta với quốc tế nhằm chống chính quyền nhân dân do người có năng lực trách nhiệm hình sự thực hiện với lỗi cố ý trực tiếp.*

Tội phá hoại chính sách đoàn kết được quy định cụ thể trong BLHS bao gồm tất cả các hành vi khách quan xâm hại hoặc đe dọa xâm hại việc thực hiện chính sách đoàn kết mà cụ thể là chính sách đại đoàn kết toàn dân, chính sách dân tộc, chính sách tôn giáo, chính sách đoàn kết quốc tế. Các hành vi đó có tính chất đặc biệt nguy hiểm, xâm hại trực tiếp tới sự vững mạnh của chính quyền nhân dân và được quy định trong BLHS nước ta.

Người phạm tội phá hoại chính sách đoàn kết là người có năng lực trách nhiệm hình sự, đạt độ tuổi theo luật định, có lỗi cố ý trực tiếp và thực

hiện hành vi nhằm chống chính quyền nhân dân. Đây là những dấu hiệu quan trọng phản ánh đầy đủ những dấu hiệu về tội phạm này. Hành vi phá hoại chính sách đoàn kết thực chất xâm hại tới khối đại đoàn kết toàn dân tộc, tạo ra sự hỗn loạn trong đời sống xã hội, khuyến khích xung đột xã hội, là tiền đề, điều kiện để các thế lực thù địch lợi dụng, tổ chức thực hiện các hoạt động phá hoại tư tưởng, bạo loạn, phá rối an ninh...

1.1.1.2. Các dấu hiệu pháp lý

- Khách thể của tội phạm

Theo giáo trình Luật hình sự Việt Nam (phần chung) dùng cho đào tạo đại học CAND của Tổng cục chính trị CAND: “Khách thể của tội phạm là những quan hệ xã hội được Luật hình sự bảo vệ bị xâm phạm bằng cách gây thiệt hại hoặc đe dọa gây thiệt hại trong một chừng mực nhất định” [1, tr.89]. Cần nhìn nhận cụ thể rằng, nếu không xác định được khách thể của tội phạm thì một hành vi nguy hiểm cho xã hội không thể bị coi là tội phạm. Cùng với đó, việc xác định khách thể của tội phạm góp phần xác định mức độ, tính chất nguy hiểm của hành vi và bản chất xã hội-pháp lý của tội phạm. Khi nghiên cứu về khách thể của tội phạm cần làm rõ khách thể chung, khách thể loại và khách thể trực tiếp. Trong đó, khách thể trực tiếp có ý nghĩa xác định cụ thể, chính xác tội danh của tội phạm. Và trong thực tế, một hành vi phạm tội có thể xâm hại một hoặc nhiều khách thể trực tiếp.

Khách thể của tội phá hoại chính sách đoàn kết là sự vững mạnh của chính quyền nhân dân, là quan hệ xã hội có tầm quan trọng đặc biệt, quyết định cho sự tồn tại và phát triển hoặc chi phối các quan hệ xã hội khác. Qua đó phản ánh mức độ và tính chất nguy hiểm của loại tội phạm này. Sự vững mạnh của chính quyền nhân dân là yếu tố then chốt, quyết định sự phát triển của đất nước.

Cùng với đó, xác định khách thể của tội phá hoại chính sách đoàn kết còn phản ánh bản chất, xu hướng của tội phạm. Bản chất của loại tội phạm là sự chống đối, đi ngược lại với lợi ích chung của toàn thể dân tộc, mang tính chất phản động. Thông qua hành vi phá hoại khối đại đoàn kết toàn dân tộc, đoàn kết quốc tế nhằm làm suy yếu chính quyền, tạo tiền đề, cơ sở thực hiện các hoạt động chống phá có tính chất nguy hiểm cao hơn.

- Mặt khách quan của tội phạm

Theo TSKH. PGS Lê Văn Cẩm “Mặt khách quan của tội phạm là sự tổng hợp các dấu hiệu do luật hình sự quy định và các tình tiết phản ánh hành vi bên ngoài của sự xâm hại cụ thể nguy hiểm đáng kể cho xã hội đến khách thể được bảo vệ bằng PLHS” [6, tr.365]. Mặt khách quan của tội phạm cũng bao gồm bốn dấu hiệu là: Hành vi nguy hiểm cho xã hội; Hậu quả nguy hiểm cho xã hội; Mối quan hệ nhân quả giữa hành vi và hậu quả; những dấu hiệu khác liên quan đến hành vi và hậu quả nguy hiểm cho xã hội (thời gian, địa điểm, công cụ, phương tiện, thủ đoạn...).

Trước hết, hành vi nguy hiểm cho xã hội của tội phá hoại chính sách đoàn kết bao gồm:

Thứ nhất, gây chia rẽ giữa các tầng lớp nhân dân, giữa nhân dân với lực lượng vũ trang, với chính quyền nhân dân, với các tổ chức xã hội.

Mối quan hệ giữa Đảng và Nhân dân là một trong những vấn đề cốt lõi quyết định bản chất của Đảng Cộng sản Việt Nam. Trong mối quan hệ gắn bó mật thiết, máu thịt đó, Đảng là một thực thể chính trị, nhân dân là một thực thể xã hội, có sự thống nhất cao độ về lợi ích. Mọi hoạt động của Đảng đều nhằm mục đích phục vụ Tổ quốc, phụng sự nhân dân.

Lực lượng vũ trang bao gồm: Quân đội nhân dân, Công an nhân dân và Dân quân tự vệ. Lực lượng vũ trang nhân dân có mối quan hệ mật thiết với quần chúng nhân dân, từ nhân dân mà ra, vì nhân dân mà chiến đấu. Nhân dân

là cơ sở, là nền móng, là phòng tuyến vững chắc giúp lực lượng vũ trang hoàn thành tốt nhiệm vụ của mình. Việc phá hoại mối quan hệ gắn kết giữa lực lượng vũ trang với Nhân dân nhằm vô hiệu hóa ý chí và sức mạnh của lực lượng vũ trang, khiến lực lượng này trở nên tê liệt, không thể hoàn thành nhiệm vụ.

Tổ chức xã hội là một hình thức tổ chức tự nguyện của công dân, hoạt động theo pháp luật, tham gia vào quản lý nhà nước, quản lý xã hội như: Các hiệp hội kinh tế, các tổ chức xã hội nghề nghiệp, và các tổ chức xã hội khác... Việc phá hoại mối quan hệ giữa Nhân dân với tổ chức xã hội làm suy yếu, cản trở sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Hành vi gây chia rẽ giữa các tầng lớp nhân dân, giữa nhân dân với lực lượng vũ trang, với chính quyền nhân dân, với các tổ chức xã hội thường được tiến hành dưới các phương thức, thủ đoạn như bịa đặt, nói xấu, xuyên tạc, kích động, gọi lại những xích mích, hằn thù trước đây giữa các làng xã, họ mạc trong nhân dân hoặc lợi dụng những sở hữ, thiếu sót của cán bộ, quân đội, công an trong quá trình thực hiện chính sách, pháp luật...

Thứ hai, gây hằn thù, kỳ thị, chia rẽ dân tộc, xâm phạm quyền bình đẳng trong cộng đồng các dân tộc Việt Nam.

Việt Nam là một quốc gia đa dân tộc (đa tộc người), trong đó chủ yếu là dân tộc Kinh, còn lại 53 dân tộc thiểu số với khoảng 9 triệu người, chiếm 13,2% dân số cả nước. Các đồng bào dân tộc thiểu số ít người vẫn còn tồn tại nhiều tập tục lạc hậu, đặt niềm tin vào các lực lượng siêu nhiên, huyền bí, cúng lễ quanh năm, ứng xử theo “cái lý” dân tộc, tâm lý dễ tin, dễ ngờ, cùng với tình cảm dòng họ, đồng tộc gắn bó nhiều khi đã lấn át các quan hệ xã hội khác, trong đó có quan hệ hành chính, pháp luật. Để thực hiện hành vi gây hằn thù, kỳ thị, chia rẽ dân tộc, xâm phạm quyền bình đẳng trong cộng đồng các dân tộc Việt Nam các đối tượng phạm tội thường thực hiện các phương

thức như: lôi kéo, tập hợp lực lượng trong các dân tộc thiểu số, phá hoại chính sách đoàn kết dân tộc; kích động chủ nghĩa dân tộc hẹp hòi theo hướng ly khai, tự trị, chia rẽ các dân tộc; quốc tế hóa vấn đề dân tộc, tạo điều kiện cho các thế lực thù địch can thiệp vào công việc nội bộ nước ta...

Thứ ba, gây chia rẽ giữa người theo tôn giáo với người không theo tôn giáo, chia rẽ các tín đồ tôn giáo với chính quyền nhân dân, các tổ chức xã hội.

Hiện nay, ở nước ta có 13 tôn giáo, 37 tổ chức tôn giáo, 01 pháp môn tu được Nhà nước công nhận tư cách công nhận tư cách pháp nhân với số lượng tín đồ khoảng 25 triệu người, chiếm ¼ dân số nước ta.

Lợi dụng giáo lý, giáo luật, các đối tượng phạm tội lôi kéo, kích động quần chúng tham gia vào hoạt động chống chính quyền, đặc biệt là đối với số tín đồ mê muội cuồng tín, có thái độ cực đoan quá khích. Hành vi gây chia rẽ giữa người theo tôn giáo với người không theo tôn giáo, chia rẽ các tín đồ tôn giáo với chính quyền nhân dân, các tổ chức xã hội thường chủ yếu được tiến hành thông qua phương thức tuyên truyền. Các đối tượng phao tin bịa đặt, nói xấu chế độ, cho rằng Nhà nước ta chèn ép không cho tự do tín ngưỡng, tự do tôn giáo; không cho xây dựng các cơ sở thờ tự như chùa chiền, miếu mạo, nhà thờ; thiếu quan tâm hoặc ưu tiên phát triển một số tín đồ, tôn giáo; chèn ép không cho tôn giáo phát triển...

Thứ tư, phá hoại việc thực hiện chính sách đoàn kết quốc tế.

Đây là hành vi phá hoại việc thực hiện chính sách đối ngoại của Đảng và Nhà nước ta nhằm chia rẽ Nhà nước ta với các quốc gia, các dân tộc trên thế giới, làm suy giảm vị thế của nước ta trên trường quốc tế. Hành vi phá hoại chính sách đoàn kết có thể thực hiện bằng nhiều thủ đoạn như: xuyên tạc đường lối chính sách đối ngoại, đưa thông tin sai sự thật, gây hiềm khích thù hận giữa các dân tộc, gây khó khăn cho quan hệ Việt Nam...

Do tội phá hoại chính sách có cấu thành hình thức nên trong mặt khách quan của tội phạm chỉ có dấu hiệu hành vi phạm tội là dấu hiệu có tính chất bắt buộc. Các dấu hiệu khác trong mặt khách quan không có tính chất bắt buộc.

- Mặt chủ quan của tội phạm

Nếu mặt khách quan của tội phạm là sự biểu hiện bên ngoài của hoạt động phạm tội thì mặt chủ quan của tội phạm là thái độ tâm lý bên trong của người phạm tội được thể hiện dưới hình thức cố ý hoặc vô ý đối với hành vi nguy hiểm cho xã hội do mình thực hiện và đối với hậu quả của hành vi đó. Mặt chủ quan của tội phạm bao gồm các dấu hiệu: Lỗi, động cơ phạm tội, mục đích phạm tội.

Dấu hiệu lỗi là dấu hiệu quan trọng để xác định một hành vi nguy hiểm cho xã hội có phải là tội phạm hay không. Việc xác định chính xác hình thức lỗi hay xác định được lý trí và ý chí người thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội có vai trò quan trọng trong việc truy cứu trách nhiệm hình sự người phạm tội.

Đối với tội phá hoại chính sách đoàn kết, lỗi của người phạm tội luôn là lỗi cố ý trực tiếp. Về lý trí, người thực hiện hành vi phá hoại chính sách đoàn kết nhận thức rõ tính chất nguy hiểm cho xã hội trong hành vi của mình là làm phương hại đến sự vững mạnh của chính quyền nhân dân, thấy trước hậu quả khi thực hiện hành vi đó. Về ý chí, người thực hiện hành vi phá hoại chính sách đoàn kết bao giờ cũng mong muốn khôi đại đoàn kết toàn dân tộc, đoàn kết dân tộc, đoàn kết tôn giáo, đoàn kết quốc tế bị phá vỡ.

Về mục đích phạm tội, đối với tội phá hoại chính sách đoàn kết, mục đích là dấu hiệu bắt buộc trong định tội. Mục đích phạm tội phá hoại chính sách đoàn kết là chống chính quyền nhân dân. So với các đối tượng chứng minh khác, chứng minh mục đích phạm tội đối với tội phá hoại chính sách đoàn kết là hết sức phức tạp và khó khăn. Mục đích là dấu hiệu của mặt chủ

quan của tội phạm này, là diễn biến trạng thái tâm lý bên trong của người thực hiện hành vi phạm tội nên không thể nhận thức bằng các giác quan giống như nhận thức về mặt khách quan của tội phạm mà phải bằng sự phân tích tổng hợp qua hoạt động tư duy để xác định.

Về động cơ phạm tội, được hiểu là động lực (các nhu cầu và lợi ích) bên trong thúc đẩy quyết tâm của người phạm tội thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội bị luật hình sự cấm. Dấu hiệu này tuy không là dấu hiệu bắt buộc trong cấu thành tội phá hoại chính sách đoàn kết nhưng để đánh giá chính xác tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của tội phạm, cơ quan tiến hành tố tụng cần xác định động cơ phạm tội. Động cơ phạm tội có thể là do hận thù giai cấp, bất mãn chế độ, vụ lợi hoặc động cơ cá nhân khác....

- Chủ thể của tội phạm

Chủ thể của tội phạm là con người cụ thể thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội một cách cố ý hoặc vô ý, có đủ năng lực trách nhiệm hình sự và đạt độ tuổi theo luật hình sự quy định. Cần nhận thức khoa học đúng đắn và thống nhất rằng, một người chỉ bị coi là chủ thể của tội phạm khi có đầy đủ năm dấu hiệu: có năng lực trách nhiệm hình sự, đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự, thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội, hành vi người đó thực hiện phải bị luật hình sự cấm, người đó phải có lỗi trong việc thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội.

Theo quy định tại Điều 87 BLHS năm 1999, người phạm tội phá hoại chính sách đoàn kết có thể là bất kỳ ai, công dân Việt Nam, công dân nước ngoài, người không quốc tịch đạt độ tuổi luật định và có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự.

Bên cạnh đó, đối với nhóm tội xâm phạm ANQG nói chung và tội phá hoại chính sách đoàn kết nói riêng, quy định về chủ thể của tội phạm có sự khác biệt. Theo đường lối xử lý tội phạm xâm phạm ANQG tại Nghị quyết số

04-NQ/HĐTPTANDTC ngày 29/11/1986 của Hội đồng thẩm phán Toà án nhân dân tối cao về Hướng dẫn áp dụng một số quy định trong Phần các tội phạm của BLHS quy định “đối với người tuy đã đủ điều kiện về tuổi như đã nói trên, cần xem xét hoàn cảnh phạm tội và nhận thức của họ đối với tội phạm. Đối với các tội xâm phạm ANQG, nếu do bị mua chuộc, dụ dỗ, nhận thức chính trị không có hoặc rất non kém thì không áp dụng hình phạt, mà nên áp dụng biện pháp tư pháp có tính chất giáo dục, phòng ngừa (như đưa vào trường giáo dưỡng theo Điều 62). Chỉ cần áp dụng hình phạt đối với trường hợp người phạm tội đã có nhận thức chính trị và đã gây hậu quả nghiêm trọng” [19, tr.247]. Như vậy, đối với chủ thể của các tội xâm phạm ANQG nói chung, tội phá hoại chính sách đoàn kết nói riêng phải có “nhận thức chính trị và đã gây hậu quả nghiêm trọng”.

1.1.2. Phân biệt tội phá hoại chính sách với một số tội xâm phạm an ninh quốc gia

1.1.2.1. Phân biệt tội phá hoại chính sách đoàn kết với tội hoạt động nhằm lật đổ chính quyền nhân dân

Tội hoạt động nhằm lật đổ chính quyền nhân dân được quy định tại Điều 79 BLHS năm 1999. Tội hoạt động nhằm lật đổ chính quyền nhân dân có hai hành vi là hoạt động thành lập và tham gia tổ chức.

Thứ nhất, là hoạt động thành lập tổ chức.

Hoạt động này được biểu hiện cụ thể dưới các hành vi: Đề xướng chủ trương thành lập tổ chức; Vạch ra đường lối, phương hướng hoạt động của tổ chức; Soạn thảo cương lĩnh, điều lệ, tên gọi, cơ cấu của tổ chức; Tuyên truyền, lôi kéo người khác vào tổ chức. Hành vi hoạt động thành lập tổ chức thường xuất hiện khi tổ chức phạm tội chưa ra đời hoặc trong quá trình hình thành tổ chức nhưng cũng có trường hợp, hành vi này xuất hiện sau khi tổ

chức phạm tội đã hình thành, thậm chí khi đã bị tan rã cơ bản về cơ cấu, tổ chức như hành vi gây dựng lại tổ chức, sửa đổi cương lĩnh, điều lệ của tổ chức.

Thứ hai, là hoạt động tham gia tổ chức.

Đây là hành vi biểu thị sự gia nhập tổ chức sau khi nhận thức được mục đích của tổ chức là lật đổ chính quyền nhân dân, xoá bỏ chế độ XHCN. Biểu hiện cụ thể của hành vi hoạt động tham gia tổ chức nhằm lật đổ chính quyền nhân dân rất đa dạng, phong phú như: Nhận lời tham gia tổ chức bằng miệng hoặc văn bản như viết đơn, cam đoan xin gia nhập tổ chức nhằm lập đổ chính quyền nhân dân; Ghi tên tham gia vào tổ chức; Hoạt động phạm tội theo sự phân công chỉ đạo của tổ chức.

Khi phân biệt với tội phá hoại chính sách đoàn kết, hành vi khách quan của hai tội này có sự giao thoa nhất định. Tội hoạt động nhằm lật đổ chính quyền nhân dân thực chất là hành vi tập hợp lực lượng, hình thành các tổ chức phản động nhằm lật đổ chính quyền nhân dân. Các hành vi đó đều gây phá hoại khối đại đoàn kết toàn dân tộc, gây tổn hại nghiêm trọng với uy tín và vị thế của nước ta trên trường quốc tế, tạo thời cơ để công khai hóa, hợp pháp hóa các tổ chức phản động, quốc tế hóa công việc nội bộ. Xét về tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi thì tội hoạt động nhằm lật đổ chính quyền nhân dân có tính chất và mức độ nguy hiểm cao hơn so với tội phá hoại chính sách đoàn kết, xâm hại trực tiếp tới sự tồn vong của chế độ XHCN. Cùng với đó, tội hoạt động nhằm lật đổ chính quyền nhân dân luôn được tiến hành dưới hình thức đồng phạm. Do đó, khung hình phạt đối với tội hoạt động nhằm chống chính quyền nhân dân cao hơn so với tội phá hoại chính sách đoàn kết.

1.1.2.2. Phân biệt tội phá hoại chính sách đoàn kết với tội tuyên truyền chống nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam

Tội tuyên truyền chống nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam được quy định tại Điều 88 BLHS năm 1999, bao gồm các hành vi:

Thứ nhất, tuyên truyền xuyên tạc, phỉ báng chính quyền nhân dân. Đây là hành vi hành vi biên soạn, in ấn, phát hành, cất giữ, tán phát sách, báo, tờ rơi, biểu ngữ, pano, áp phích, tranh ảnh,.. hoặc bằng lời nói, việc làm truyền bá những tư tưởng phản động, cố tình làm sai lệch đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước, gieo rắc sự nghi ngờ, bất mãn đối với chế độ, xuyên tạc, bôi nhọ chế độ XHCN.

Thứ hai, tuyên truyền những luận điệu chiến tranh tâm lý, phao tin, bịa đặt, gây hoang mang trong nhân dân. Đây là hành vi biên soạn, in ấn, phát hành, cất giữ, tán phát sách, báo, tờ rơi, biểu ngữ, pano, áp phích, tranh ảnh,.. có nội dung xuyên tạc lịch sử, kích động kêu gọi tiến hành các hoạt động chống Nhà nước Cộng hòa XHCN Việt Nam hoặc các hành vi khác tác động đến tư tưởng, tâm lý bằng thủ đoạn xuyên tạc, kích động gây ra sự lo lắng, hoang mang trong quần chúng nhân dân. Chẳng hạn: Tuyên truyền luận điệu kích động nhân dân biểu tình khi TQ tiến hành đặt giàn khoan HD981,...

Thứ ba, làm ra, tàng trữ, lưu hành các tài liệu, văn hoá phẩm có nội dung chống Nhà nước Cộng hòa XHCN Việt Nam. Đây là một chuỗi các hoạt động tuyên truyền các tài liệu, văn hóa phẩm có nội dung chống Nhà nước Cộng hòa XHCN Việt Nam.

Để thực hiện các hành vi khách quan của tội tuyên truyền chống nhà nước Cộng hòa XHCN Việt Nam, người phạm tội thường sử dụng các hình thức tuyên truyền: tuyên truyền miệng, tuyên truyền qua phương tiện thông tin đại chúng, tán phát tài liệu tuyên truyền chống Nhà nước Cộng hòa XHCN Việt Nam.

Hành vi tuyên truyền chống Nhà nước Cộng hòa XHCN Việt Nam luôn chứa đựng sự phá hoại khối đại đoàn kết toàn dân tộc, đoàn kết quốc tế. Khi phân biệt hành vi khách quan của hai loại tội phạm này phải được đặt trong âm mưu và hoạt động của các thế lực thù địch và các đối tượng phản động. Trong chiến lược “diễn biến hòa bình”, các thế lực thù địch xác định phá hoại tư tưởng là khâu đột phá với ý nghĩa quyết định toàn bộ chiến lược. Trong các bước tiến hành, bước đầu chúng sẽ tiến hành các hoạt động tuyên truyền nhằm tạo ra các khuynh hướng, trào lưu đối lập với Đảng và Nhà nước. Đây được xem xét là hành vi tuyên truyền chống Nhà nước Cộng hòa XHCN Việt Nam. Bước thứ hai, trên cơ sở các khuynh hướng, trào lưu đối lập đó hình thành các nhóm người, các tổ chức đối lập, mâu thuẫn với Đảng, Nhà nước. Đây là thực chất là hành vi phá hoại chính sách đoàn kết. Do đó, đòi hỏi trong quá trình phân tích, đánh giá hành vi cần đảm bảo khách quan, toàn diện và có tính lịch sử cụ thể.

1.1.2.3. Phân biệt tội phá hoại chính sách đoàn kết với tội phá rối an ninh

Tội phá rối an ninh được quy định tại Điều 89 BLHS năm 1999, bao gồm các hành vi khác quan sau:

Thứ nhất, kích động, lôi kéo, tụ tập nhiều người phá rối an ninh. Đây là hành vi làm cho trật tự an ninh ở địa phương trở nên căng thẳng bằng các thủ đoạn kích động, lôi kéo, rủ rê, mua chuộc, tập trung đông người tại các địa điểm như nơi công cộng, trụ sở cơ quan Đảng, chính quyền, đơn vị vũ trang nhân dân để thực hiện những hành vi gây xáo trộn, khó khăn cho chính quyền địa phương trong việc bảo đảm ANTT.

Thứ hai, chống người thi hành công vụ là hành vi dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực hoặc bằng các thủ đoạn khác cản trở người thi hành công vụ thực hiện công vụ của họ hoặc ép buộc họ thực hiện hành vi trái pháp luật.

Thứ ba, cản trở hoạt động của các cơ quan Nhà nước, tổ chức xã hội là hành vi tập trung đông người tại trụ sở cơ quan Đảng, chính quyền, đơn vị vũ trang nhân dân hoặc thực hiện các hành vi khác không cho các cơ quan Nhà nước, tổ chức xã hội thực hiện công việc.

Trong thực tế, hành vi “kích động, lôi kéo, tụ tập nhiều người phá rối an ninh” thực chất là phá hoại chính sách đoàn kết nhưng ở mức độ cao khi chia rẽ đạt tới mức độ nhất định. Xét về tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội thì hành vi khách quan của tội phá rối an ninh nguy hiểm hơn so với tội phá hoại chính sách đoàn kết.

1.2. Lịch sử lập pháp hình sự Việt Nam về tội phá hoại chính sách đoàn kết đến trước khi ban hành Bộ luật hình sự năm 1999

1.2.1. Giai đoạn từ sau Cách mạng tháng 8 năm 1945 đến trước khi ban hành Bộ luật hình sự năm 1985

1.2.1.1. Giai đoạn từ năm 1945 đến 1960

Thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám năm 1945 đã xóa bỏ chế độ thuộc địa nửa phong kiến, thành lập Nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hòa, mở ra một kỷ nguyên mới cho dân tộc - kỷ nguyên độc lập, tự do. Và cũng từ đây lịch sử dân tộc đã bước sang một trang mới: giữ vững nền độc lập non trẻ, xây dựng chính quyền mới, bảo vệ thành quả của cách mạng, làm tiền đề cho thắng lợi của hai cuộc kháng chiến chống ngoại xâm sau này. Khi nhận xét về giai đoạn này có thể nói vận mệnh dân tộc như “ngàn cân treo sợi tóc”. Bên cạnh những thuận lợi như: Đảng ta giành được chính quyền, lực lượng vũ trang dần được củng cố, tăng cường, mặt trận đoàn kết dân tộc ngày càng phát triển và mở rộng thì chính quyền cách mạng non trẻ và dân tộc ta gặp phải vô vàn khó khăn, thách thức: nạn đói, nạn dốt hoành hành và đặc biệt là các thế lực đế quốc, phản động bao vây và chống phá hết sức quyết liệt. Ở miền Bắc, 20 vạn quân Tưởng với danh nghĩa là quân đồng minh vào giải giáp vũ khí

quân đội Nhật tràn vào nước ta, âm mưu “diệt Cộng, cầm Hồ”. Ở miền Nam, hơn 1 vạn quân Anh kéo vào với khoảng 3,5 vạn quân Pháp với âm mưu xâm lược nước ta một lần nữa. Cùng với đó, trên đất nước ta vẫn còn hơn 6 vạn quân phát xít Nhật. Lợi dụng vòng vây đế quốc, bọn phản động trong nước nổi lên, ngoài nước kéo vào tiến hành gây rối, phá hoại như tổ chức Việt Nam quốc dân đảng và Việt Nam cách mạng đảng. Trước âm mưu thâm độc của kẻ thù, nhiệm vụ hàng đầu của cách mạng là sử dụng mọi lực lượng, biện pháp và hình thức đấu tranh để bảo vệ chính quyền cách mạng, chống lại những âm mưu đen tối của kẻ thù bên trong và thế lực đế quốc, đẩy mạnh công cuộc kháng chiến giành độc lập, thống nhất dân tộc, trong đó luật hình sự là một công cụ đặc lực nhằm trấn áp các phần tử phản cách mạng. Mặc dù trong thời kỳ này, PLHS quy định còn tản mát, thiếu thống nhất nhưng tội phá hoại chính sách đoàn kết đã được quy định cụ thể trong các văn bản PLHS nước ta.

Năm 1953, tình hình và nhiệm vụ cụ thể của cách mạng có những thay đổi nhất định, cả nước đang trong giai đoạn dốc toàn lực phá vỡ kế hoạch Navarre. Trên cơ sở tổng kết, rút kinh nghiệm thực tiễn đấu tranh chống bọn phản cách mạng, Nhà nước ta đã ban hành Sắc lệnh 133/SL ngày 20/01/1953 của Chủ tịch nước Việt Nam dân chủ cộng hòa về trừng trị các loại việt gian và phản động. Trong đó, lần đầu tiên tội phá hoại chính sách đoàn kết được quy định trong một văn bản pháp luật, thể hiện một bước tiến vượt bậc trong kỹ thuật lập pháp của nhà nước ta.

“Điều 12. Kẻ nào vì mục đích phản quốc, gây hiềm khích để phá hoại sự đoàn kết kháng chiến của các dân tộc trong nước, các tầng lớp nhân dân, các tôn giáo, các đảng phái và đoàn thể dân chủ, chia rẽ nhân dân với Chính phủ, chia rẽ nhân dân Việt Nam với nhân dân các nước bạn Miên, Lào, phá hoại tình hữu nghị giữa nhân dân Việt Nam với nhân dân Liên Xô, Trung Quốc và các nước dân chủ nhân dân khác, sẽ bị phạt tù từ 10 năm trở xuống.

Nếu tội trạng nặng, sẽ bị phạt tù từ 10 năm đến chung thân, hoặc sẽ bị xử tử hình” [33, tr.96].

Điều 12 tại Sắc lệnh 133/SL đã phản ánh đầy đủ đặc điểm lịch sử của dân tộc và thế giới, với việc mô tả hành vi là “gây hiềm khích để phá hoại sự đoàn kết kháng chiến” và phản ánh chính sách đối ngoại cần được bảo vệ của nước ta trong thời kỳ này là quan hệ đối ngoại với các nước: Miên, Lào, Liên Xô, Trung Quốc và các nước dân chủ nhân dân khác. Cùng với đó, dấu hiệu mục đích cũng được xác định là “phản quốc”. Mục đích này là hoàn toàn đúng đắn bởi đối tượng phạm tội là các loại Việt gian và phản động. Trong thời kỳ tất cả các nguồn lực của dân tộc đang được huy động, tập trung vào cuộc kháng chiến vệ quốc vĩ đại thì bất cứ hành vi nào đi ngược lại lợi ích của dân tộc đều là phản quốc.

Cùng với đó, khi đặt trong tổng thể Sắc lệnh 133/SL, các nhà làm luật hình thành nguyên tắc phân hóa trách nhiệm hình sự tại Điều 2: "Nghiêm trị bọn chủ mưu, cầm đầu, bọn ngoan cố, khoan hồng đối với những người bị lừa phỉnh, bị ép buộc, lầm đường" và nguyên tắc tương tự tại Điều 18: “Kẻ nào phạm tội phản quốc khác mà chưa quy định trong Sắc lệnh này, sẽ chiếu theo tội tương tự mà xét xử”.

Ngoài Sắc lệnh 133/SL, trong giai đoạn kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược, còn có hàng loạt văn bản PLHS khác được ban hành nhằm đáp ứng đòi hỏi khách quan của Cách mạng Việt Nam, thể hiện thái độ kiên quyết trừng trị hành vi phá hoại khối đại đoàn kết toàn dân tộc như: Điều 5 Sắc lệnh số 151/ SL ngày 12/4/1953 quy định nếu địa chủ nào mà "bịa đặt tin bậy để gây dư luận chống Chính phủ, chống pháp luật" hoặc "dùng thủ đoạn gây xung đột trong nội bộ nông dân, làm tổn hại đến sự đoàn kết của nhân dân" thì "sẽ bị phạt tù từ 03 năm đến 10 năm, phải bồi thường thiệt hại cho nông dân và bị tịch thu một phần hay tất cả tài sản"; hay ngày 14/6/1955, Nhà

nước ta đã ban hành Sắc lệnh số 234/SL về Chính sách tôn giáo. Điều 7 của Sắc lệnh quy định: "Pháp luật sẽ trừng trị những kẻ mượn danh nghĩa tôn giáo để phá hoại hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ, tuyên truyền chiến tranh, phá hoại đoàn kết, ngăn trở tín đồ làm nghĩa vụ công dân, xâm phạm đến tự do tín ngưỡng và tự do tư tưởng của người khác, hoặc làm những việc khác trái pháp luật".

Qua nghiên cứu các văn bản PLHS giai đoạn này, chúng ta có thể thấy: PLHS đã phản ánh đầy đủ tính chất của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, khi mà chính quyền cách mạng còn non trẻ và phải đối mặt với vô vàn khó khăn, thách thức. Tuy nhiên, vượt qua những hạn chế của thời đại, lần đầu tiên tội phá hoại chính sách đoàn kết được quy định cụ thể, là dấu mốc quan trọng trong lịch sử lập pháp hình sự nước nhà.

1.2.1.2. Giai đoạn từ năm 1960 đến năm 1975

Sau năm 1954, đất nước ta tạm chia làm hai miền. Miền Bắc tiến lên CNXH, bắt tay vào xây dựng cơ sở kinh tế, kỹ thuật, là hậu phương để miền Nam tiếp tục đấu tranh thực hiện nhiệm vụ cách mạng dân tộc dân chủ, tiến tới thống nhất nước nhà. Với âm mưu biến miền Nam Việt Nam thành "tiền đồn chống Cộng", Mỹ đã từng bước can thiệp thông qua các chiến lược: chiến tranh đơn phương lấy viện trợ về kinh tế, quân sự là chủ yếu, chiến tranh đặc biệt, chiến tranh cục bộ và Việt Nam hóa chiến tranh với sự tham chiến trực tiếp của lính Mỹ. Cuộc kháng chiến kiến quốc của dân tộc ta trở nên gay go và quyết liệt.

Trước những thay đổi của tình hình và nhiệm vụ trong giai đoạn cách mạng mới, vào thời điểm quyết liệt của cuộc kháng chiến chống đế quốc Mỹ xâm lược, ngày 30/10/1967, Ủy ban Thường vụ Quốc hội nước Việt Nam dân chủ công hòa đã thông qua Pháp lệnh trừng trị các tội phản cách mạng. Sự ra đời của Pháp lệnh có ý nghĩa vô cùng quan trọng trong đời sống pháp luật

nước nhà, là công cụ sắc bén để tăng cường chuyên chính đối với kẻ thù của dân tộc. Pháp lệnh đã hình thành khái niệm về tội phản cách mạng là “tội chống lại Tổ quốc, chống lại chính quyền dân chủ nhân dân, phá hoại công cuộc cải tạo XHCN và xây dựng CNXH, phá hoại quốc phòng, phá hoại sự nghiệp chống Mỹ, cứu nước, bảo vệ miền Bắc, giải phóng miền Nam, thực hiện thống nhất nước nhà”. Trong Pháp lệnh, hành vi phá hoại khối đại đoàn kết toàn dân tộc, đoàn kết quốc tế được quy định cụ thể với tên gọi Tội phá hoại khối đoàn kết toàn dân.

“Điều 12. Tội phá hoại khối đoàn kết toàn dân

Kẻ nào vì mục đích phản cách mạng mà tuyên truyền, tổ chức hoặc có những hành động khác nhằm:

1. Phá hoại khối đoàn kết và thống nhất dân tộc, gây hiềm khích và chia rẽ trong nhân dân, trong các lực lượng vũ trang nhân dân, chia rẽ Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, chia rẽ nhân dân với chính quyền, chia rẽ nhân dân với lực lượng vũ trang nhân dân, chia rẽ lực lượng vũ trang nhân dân với cơ quan Nhà nước;

2. Phá hoại chính sách dân tộc, gây hằn thù, xích mích giữa các dân tộc anh em cùng sống chung trên đất nước Việt Nam;

3. Phá hoại chính sách tôn giáo, gây chia rẽ giữa các tôn giáo, chia rẽ giữa người theo tôn giáo với người không theo tôn giáo, chia rẽ giữa các tín đồ tôn giáo với chính quyền; lợi dụng tín ngưỡng xâm phạm đến quyền tự do dân chủ của tín đồ, cản trở họ làm nghĩa vụ công dân hoặc tham gia các đoàn thể nhân dân, các hợp tác xã, các tổ chức quân sự, kinh tế, văn hoá và xã hội;

Thì bị phạt tù từ 5 năm đến 15 năm” [33, tr.125]

Tội phá hoại khối đoàn kết toàn dân của Pháp lệnh đã có những bước phát triển hơn so với quy định tại Điều 12 của Sắc lệnh 133/SL ngày 20/1/1953 cả về nội dung lẫn hình thức. Tội phạm đã được đặt tiêu đề về tội danh với các khung hình phạt tương ứng, được mô tả cụ thể, chặt chẽ. Chính

sách hình sự đối với tội phạm này được phản ánh trong Pháp lệnh một cách rõ ràng, toàn diện. Cùng với đó, do sự thay đổi về điều kiện lịch sử nên hành vi phá hoại chính sách đoàn kết quốc tế không được phản ánh trong điều luật.

Khi nghiên cứu về tội phá hoại khối đoàn kết toàn dân, đặt trong mối quan hệ tổng thể với các quy định trong Pháp lệnh, ngoài nguyên tắc tương tự, nguyên tắc phân hóa trách nhiệm hình sự, Pháp lệnh còn quy định thêm nguyên tắc hồi tố tại Điều 22 “Những tội phạm cách mạng đã phạm trước ngày công bố Pháp lệnh này, nhưng chưa bị xét xử, thì xét xử theo Pháp lệnh này” và hình phạt đã được giảm so với thời kỳ trước với mức hình phạt tù cao nhất là 15 năm.

1.2.1.3. Giai đoạn từ năm 1975 đến trước khi ban hành Bộ luật hình sự năm 1985

Với đại thắng mùa xuân năm 1975, cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước của nhân dân Việt Nam đã kết thúc thắng lợi. Đây là một trong những chiến thắng lịch sử oanh liệt nhất, lẫy lừng nhất của dân tộc Việt Nam mở ra kỷ nguyên mới: kỷ nguyên cả nước độc lập, thống nhất cùng đi lên CNXH. Do đó, PLHS cũng có những thay đổi mới về nhiệm vụ để phù hợp với tình hình mới. Nhằm bảo vệ chính quyền cách mạng, bảo đảm ANQG và TTATXH ở miền Nam sau ngày giải phóng, ngày 15/3/1976, Hội đồng Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam đã ban hành Sắc luật số 03/SL-76 quy định các tội phạm và hình phạt trong các tội phạm cách mạng được ghi nhận một cách vắn tắt tại Điều 3.

“Điều 3. Tội phạm cách mạng

Tội phạm cách mạng là tội chống lại Tổ quốc, phá hoại độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ, phá hoại quốc phòng, phá hoại cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân và sự nghiệp xây dựng CNXH.

a) Phạm tội phản quốc hoặc âm mưu lật đổ chính quyền thì bị phạt tù 20 năm, tù chung thân hoặc bị xử tử hình.

b) Phạm tội gián điệp thì bị phạt tù từ 5 năm đến 12 năm. Trường hợp nghiêm trọng, thì bị phạt tù đến 20 năm, tù chung thân hoặc bị xử tử hình.

c) Vì mục đích phản cách mạng mà phá hoại khối đoàn kết và thống nhất dân tộc, phá hoại quốc phòng, phá hoại trật tự, an ninh, phá hoại kinh tế, tài chính, văn hoá và xã hội thì bị phạt tù từ 5 năm đến 10 năm. Trường hợp nghiêm trọng, thì bị phạt tù đến 20 năm, tù chung thân hoặc bị xử tử hình.

d) Phạm tội cố ý tuyên truyền xuyên tạc nhằm lung lạc tinh thần, gây hoang mang rối loạn, chống chính quyền cách mạng, phá hoại chế độ, thì bị phạt tù từ 2 năm đến 10 năm.

đ) Biết rõ là phản tử phản cách mạng mà che giấu thì bị phạt tù từ 1 đến 7 năm” [33, tr.186]

Theo hướng dẫn của Thông tư số 03-BTP/TT của Bộ tư pháp Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam thì tội phá hoại chính sách đoàn kết thuộc khoản 3. Qua nghiên cứu Sắc luật số 03/SL/76 có thể thấy Sắc luật là sự kế thừa kỹ thuật lập pháp hình sự trong Pháp lệnh trừng trị các tội phản cách mạng năm 1967, nhưng đã có sự sáng tạo cho phù hợp với điều kiện và hoàn cảnh của vùng mới giải phóng. Do tính chất cấp bách của cuộc đấu tranh chống bọn phản cách mạng, quy định trong Sắc luật mang tính khái quát cao. Ngoài ra, Sắc lệnh còn quy định thêm những căn cứ để quyết định hình phạt một cách nghiêm minh, trong đó, đáng chú ý là căn cứ “lương tri cách mạng”. Đây là căn cứ quan trọng đảm bảo sự công bằng, công lý cách mạng, sự khoan dung, nhân đạo XHCN.

Qua phân tích lịch sử lập pháp hình sự quy định tội phá hoại chính sách đoàn kết từ năm 1945 đến năm 1985 cho thấy, PLHS Việt Nam không ngừng phát triển, từng bước hoàn thiện, bám sát các yêu cầu, nhiệm vụ của cách mạng. Tội phá hoại chính sách đoàn kết từng bước được bổ sung, sửa đổi, phản ánh sự phát triển trong chính sách hình sự của Đảng và Nhà nước ta. Mặc dù, trong các giai đoạn cách mạng khác nhau, tên gọi của tội phá hoại chính sách đoàn kết có sự khác biệt nhưng về cơ bản nội dung pháp lý được đảm bảo với quan điểm nhất quán của Đảng và Nhà nước là nghiêm trị các hành vi phá hoại khối đại đoàn kết toàn dân tộc, đoàn kết quốc tế.

1.2.2. Tội phá hoại chính sách đoàn kết trong Bộ luật hình sự năm 1985

Từ những năm đầu của thập kỷ 80, đặc biệt là từ năm 1985, làn sóng cải cách, cải tổ ở các nước XHCN và sau đó là sự khủng hoảng ở Liên Xô và các nước Đông Âu đã ảnh hưởng sâu sắc tới cách mạng nước ta. Cùng với đó, các thế lực thù địch đứng đầu là Mỹ đẩy mạnh chiến lược “diễn biến hòa bình” với âm mưu “gieo mầm tự do sau kẻ nứt tấm màn sắt”. Tình hình trong nước cũng xuất hiện nhiều vấn đề phức tạp, nền kinh tế chậm phát triển, đời sống nhân dân gặp nhiều khó khăn, cả nước lại phải tiếp tục cuộc chiến tranh bảo vệ biên giới Tây - Nam và biên giới phía Bắc. Trước tình hình đó, để đảm bảo ANTT, BLHS năm 1985 được ban hành nhằm thay thế các văn bản PLHS đã ban hành trước đó, đánh dấu bước tiến lớn trong hoạt động lập pháp hình sự của Nhà nước ta, thể hiện sự phát triển liên tục, kế thừa kinh nghiệm quý báu của nhiều năm phát triển PLHS, tiếp thu những giá trị tinh hoa lập pháp của các nước XHCN.

Tội phá hoại chính sách đoàn kết là một trong những tội được quy định trong nhóm các tội đặc biệt nguy hiểm xâm phạm ANQG (mục A)

“Điều 81. Tội phá hoại chính sách đoàn kết

1. Người nào có một trong những hành vi sau đây nhằm chống chính quyền nhân dân thì bị phạt tù từ năm năm đến mười lăm năm:

a. Gây chia rẽ giữa các tầng lớp nhân dân, giữa nhân dân với lực lượng vũ trang, với chính quyền nhân dân, với các tổ chức xã hội;

b. Gây hằn thù, miệt thị, chia rẽ dân tộc, xâm phạm quyền bình đẳng trong cộng đồng các dân tộc Việt Nam.

c. Gây chia rẽ người theo tôn giáo với người không theo tôn giáo, chia rẽ các tín đồ tôn giáo với chính quyền nhân dân, các tổ chức xã hội;

d. Phá hoại việc thực hiện chính sách đoàn kết quốc tế.

2. Phạm tội trong trường hợp ít nghiêm trọng thì bị phạt tù từ hai năm đến bảy năm” [23, tr.52].

So với các văn bản pháp luật thời kỳ trước, điều luật đã có sự phát triển vượt bậc cả về nội dung và kỹ thuật lập pháp, là sự đúc rút, tổng hợp kinh nghiệm của nhiều năm đấu tranh, phòng chống tội phạm. Các hành vi được mô tả cụ thể, chi tiết, rõ ràng, tạo điều kiện thuận lợi cho việc áp dụng pháp luật trong xử lý các hành vi phạm tội.

Kết luận Chương 1

Chương 1 đã trình bày những nhận thức cơ bản về tội phá hoại chính sách đoàn kết như: khái niệm, lịch sử lập pháp hình sự Việt Nam và tiêu biểu tội phá hoại chính sách đoàn kết trong PLHS một số quốc gia trên thế giới. Tội phá hoại chính sách đoàn kết là một trong những tội được quy định từ khá sớm trong PLHS, thể hiện quan điểm thống nhất, xuyên suốt mọi thời kỳ cách mạng của Đảng và Nhà nước ta là nghiêm trị đối với mọi hành vi gây chia rẽ khối đại đoàn kết toàn dân tộc, đoàn kết quốc tế. Qua từng thời kỳ cách mạng, tội phá hoại chính sách đoàn kết được kế thừa, phát triển liên tục, với những bước trưởng thành cả về kỹ thuật lập pháp lẫn nội dung điều luật. Cùng với đó, qua nghiên cứu PLHS một số quốc gia góp phần mở rộng nhận thức, tạo điều kiện để tiếp thu kinh nghiệm quốc tế, nâng cao hiệu quả hoạt động lập pháp và áp dụng pháp luật vào thực tiễn. Hệ thống kiến thức khoa học được trình bày ở chương 1 là tiền đề, cơ sở cho những nghiên cứu, đánh giá khách quan về quy định và thực trạng áp dụng các quy định của PLHS về tội phá hoại chính sách đoàn kết tại chương 2.

Chương 2

QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HÌNH SỰ HIỆN HÀNH VỀ TỘI PHÁ HOẠI CHÍNH SÁCH ĐOÀN KẾT VÀ THỰC TIỄN ÁP DỤNG

2.1. Quy định của pháp luật hình sự hiện hành về tội phá hoại chính sách đoàn kết

Bước sang những năm 90 của thế kỷ XX, tình hình thế giới và trong nước có những biến động sâu sắc, đặc biệt là sự sụp đổ và tan rã của Liên Xô và các nước XHCN ở Đông Âu. Cùng với đó, các thế lực thù địch tăng cường thực hiện chiến lược “diễn biến hòa bình”, kích động đa nguyên, đa đảng, truyền bá văn hóa phẩm đồi trụy, tập hợp lực lượng nhằm xóa bỏ sự lãnh đạo của Đảng. Trước những biến động đó, BLHS năm 1999 ra đời (ngày 21/12/1999), thay thế cho BLHS năm 1985, là sự chỉnh sửa, bổ sung cho phù hợp với tình hình mới. Tội phá hoại chính sách đoàn kết được quy định tại Điều 87 BLHS năm 1999.

“1. Người nào có một trong những hành vi sau đây nhằm chống chính quyền nhân dân, thì bị phạt tù từ năm năm đến mười lăm năm:

a. Gây chia rẽ giữa các tầng lớp nhân dân, giữa nhân dân với lực lượng vũ trang, với chính quyền nhân dân, với các tổ chức xã hội;

b. Gây hằn thù, kỳ thị, chia rẽ dân tộc, xâm phạm quyền bình đẳng trong cộng đồng các dân tộc Việt Nam;

c. Gây chia rẽ người theo tôn giáo với người không theo tôn giáo, chia rẽ các tín đồ tôn giáo với chính quyền nhân dân, các tổ chức xã hội;

d. Phá hoại việc thực hiện chính sách đoàn kết quốc tế.

2. Phạm tội trong trường hợp ít nghiêm trọng thì bị phạt tù hai năm đến bảy năm. [24, tr.80]

So với Điều 81 BLHS năm 1985, Điều 87 BLHS năm 1999 chỉ sửa đổi từ "miệt thị" thuộc điểm b khoản 1 thành "kỳ thị" cho phù hợp với quy

định tại khoản Điều 5 Hiến pháp nước Cộng hòa XHCN Việt Nam năm 1992: “Các dân tộc bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng và giúp nhau cùng phát triển; nghiêm cấm mọi hành vi kỳ thị, chia rẽ dân tộc”.

Điều luật được chia làm hai khoản cụ thể với những mức hình phạt tù khác biệt phản ánh tính chất và mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội. Tại khoản 1: Phạt tù từ năm năm đến mười lăm năm áp dụng đối với người phạm tội thực hiện một trong 4 nhóm hành vi được quy định tại điểm a, điểm b, điểm c, điểm d Điều 87 của BLHS.

Xuyên suốt trong mô tả của điều luật là hành vi “gây chia rẽ”. “Gây chia rẽ” có nghĩa trái với “đoàn kết”, là tạo ra mâu thuẫn. “Gây chia rẽ” là hành vi phản ánh cụ thể mục đích hướng tới, hậu quả trực tiếp mong muốn của người thực hiện hành vi là tạo ra chia rẽ. Việc thực hiện hành vi “gây chia rẽ” không phải là một hành vi cụ thể mà được phản ánh thông qua các hành vi cụ thể khác như tuyên truyền, kích động, tung tin, bịa đặt... Đối với từng nhóm đối tượng khác nhau thì việc thực hiện hành vi khác nhau.

Cùng với đó, người phạm tội hành vi hướng tới những nhóm đối tượng nhất định được nhà làm luật mô tả, phân chia theo từng điểm tại khoản 1. Để tiến hành phá vỡ khối đại đoàn kết toàn dân tộc, hành vi phạm tội hướng tới sự tác động đối với số đông quần chúng nhân dân căn cứ vào thành phần dân tộc, tôn giáo, quốc tịch và các vấn đề bức xúc nảy sinh trong xã hội tác động tới tâm tư, tình cảm của quần chúng.

Về bản chất, các quy định của điều luật mô tả theo hướng các quan hệ đoàn kết bị xâm hại hoặc đe dọa xâm hại, với đối tượng là chính sách đoàn kết toàn dân, chính sách đoàn kết dân tộc, chính sách đoàn kết tôn giáo. Đây được xem là những nội dung cốt lõi của chính sách đại đoàn kết toàn dân tộc của Đảng và nhà nước ta.

Điểm a khoản 1 “Gây chia rẽ giữa các tầng lớp nhân dân, giữa nhân dân với lực lượng vũ trang, với chính quyền nhân dân, với các tổ chức xã hội” bao hàm các hành vi cụ thể là gây chia rẽ giữa các tầng lớp nhân dân; gây chia rẽ giữa nhân dân với lực lượng vũ trang; gây chia rẽ giữa nhân dân với chính quyền nhân dân và gây chia rẽ nhân dân với các tổ chức xã hội. Các hành vi này hướng tới các mối quan hệ xã hội cụ thể khác nhau nhưng cùng hướng tới mục tiêu là tạo ra mâu thuẫn, bất đồng.

Gây chia rẽ giữa các tầng lớp nhân dân là hành vi tạo ra hiềm khích, khoét sâu các mâu thuẫn trong nội bộ các tầng lớp nhân dân. Hoạt động này được tiến hành bằng nhiều thủ đoạn khác nhau như khơi lại các hiềm khích cũ, tạo ra những thông tin sai lệch...

Gây chia rẽ giữa nhân dân với lực lượng vũ trang, với chính quyền nhân dân, với các tổ chức xã hội là hành vi tạo hiềm khích, mâu thuẫn giữa nhân dân với lực lượng Quân đội nhân dân, Công an nhân dân, Dân quân tự vệ, nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, các tổ chức xã hội. Cần lưu ý rằng, hành vi gây chia rẽ này hướng tới đối tượng cụ thể là nhân dân nhằm tạo ra khoảng cách, sự nghi kỵ đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân có vai trò quan trọng trong hệ thống chính trị. Từ đó, tạo ra sự ỳ, sự phản kháng trong việc thực thi các đường lối, chính sách, sự khó khăn trong đảm bảo ANTT.

Điểm b khoản 1 “Gây hằn thù, kỳ thị, chia rẽ dân tộc, xâm phạm quyền bình đẳng trong cộng đồng các dân tộc Việt Nam” là hành vi xâm hại hoặc đe dọa xâm hại tới chính sách đoàn kết dân tộc. Hành vi này được biểu bộ thông qua các cấp độ khác nhau với từng tầng, nấc, khía cạnh cụ thể phản ánh tính chất nguy hiểm.

Gây hằn thù là hành vi tạo ra, thúc đẩy các mối căm hận, sự thù địch giữa các dân tộc. Hành vi này thường được tiến hành thông qua việc lợi dụng

các biến cố trong lịch sử để khơi lại mâu thuẫn, tạo ra những mâu thuẫn mới giữa các dân tộc.

Gây kỳ thị là hành vi sự phân biệt có tính cực đoan giữa dân tộc này với dân tộc khác dựa trên những đặc điểm hoặc ưu thế của dân tộc mình. Kỳ thị hướng tới sự khinh miệt, coi thường và các hành động có tính cực đoan khác. Hành vi kỳ thị được tiến hành thông qua cử chỉ, lời nói, thái độ, ánh mắt... xâm hại tới phẩm giá của dân tộc khác.

Gây chia rẽ dân tộc là hành vi tạo ra, khoét sâu các mâu thuẫn giữa các dân tộc. Gây chia rẽ có thể được tiến hành thông qua các hành vi cụ thể hoặc nhóm hành vi cụ thể với tuyên truyền, kích động, ly khai...

Hành vi xâm phạm quyền bình đẳng trong cộng đồng các dân tộc Việt Nam là các hành vi hướng tới phá vỡ sự bình đẳng, đoàn kết giữa các dân tộc như quyền được ứng cử, quyền bầu cử... hành vi xâm phạm quyền bình đẳng là một dạng hành vi nhằm tách biệt một hoặc một vài dân tộc ra khỏi cộng đồng các dân tộc Việt Nam.

Điểm c khoản 1 “Gây chia rẽ người theo tôn giáo với người không theo tôn giáo, chia rẽ các tín đồ tôn giáo với chính quyền nhân dân, các tổ chức xã hội” là các hành vi hướng tới việc phá hoại chính sách đoàn kết tôn giáo. Đối tượng bị xâm hại của nhóm hành vi này hướng tới là người theo tôn giáo, tín đồ tôn giáo, cụ thể:

Gây chia rẽ người theo tôn giáo với người không theo tôn giáo là hành vi tạo mâu thuẫn thông qua việc tấn công vào sự khác biệt về niềm tin. Hoạt động này được tiến hành thông qua việc lợi dụng giáo lý, giáo điều, giáo luật các tôn giáo.

Gây chia rẽ các tín đồ tôn giáo với chính quyền nhân dân, các tổ chức xã hội là hành vi gây mâu thuẫn, phá vỡ mối liên kết giữa các tín đồ tôn giáo

với nhà nước và các tổ chức xã hội. Việc phá vỡ mối liên kết hướng tới sự thịnh vượng, chống đối.

Điểm d khoản 1 “Phá hoại việc thực hiện chính sách đoàn kết quốc tế” là các hành vi hướng tới việc phá hoại tình đoàn kết giữa nước ta với các quốc gia trên thế giới, các tổ chức, cá nhân quốc tế. Việc phá hoại gây suy giảm vị thế nước ta trên trường quốc tế, lâm vào tình trạng bị bao vây, cô lập cả trên phương diện chính trị, kinh tế, văn hóa.

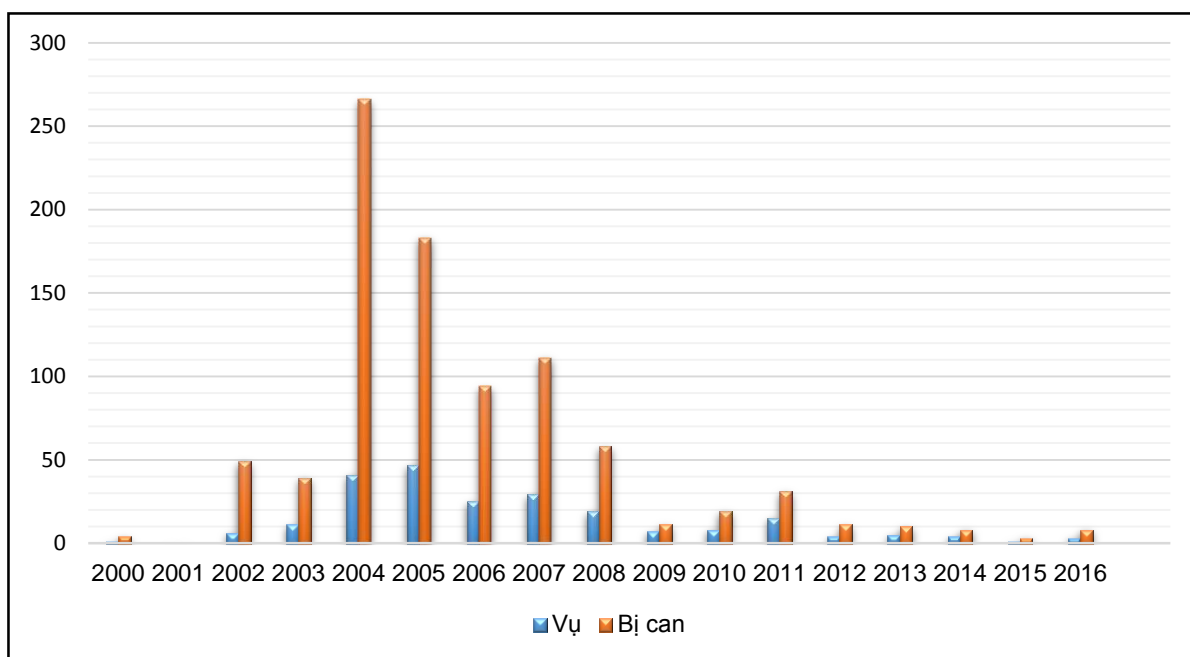
Nhóm các hành vi này thuộc cấu thành cơ bản của tội phá hoại chính sách đoàn kết với hình phạt tù từ năm năm đến mười lăm năm. Đây là loại tội phạm rất nghiêm trọng, gây nguy hại rất lớn cho xã hội. So sánh với các tội phạm xâm phạm ANQG khác thì mức hình phạt cao nhất đối với tội phá hoại chính sách đoàn kết là thấp nhất.

Khoản 2 “Phạm tội trong trường hợp ít nghiêm trọng thì bị phạt tù hai năm đến bảy năm” là cấu thành giảm nhẹ. Tuy nhiên, hiện nay chưa có văn bản quy định cụ thể về trường hợp ít nghiêm trọng trong tội phá hoại chính sách đoàn kết. Trong thực tế đấu tranh phòng chống tội phạm, cơ quan tiến hành tố tụng thường xác định trường hợp ít nghiêm trọng khi có tình tiết sau: người phạm tội tự thú, thành khẩn khai báo, tố giác người đồng phạm, lập công chuộc tội, ăn năn hối cải...

2.2. Thực tiễn áp dụng các quy định của pháp luật hình sự về tội phá hoại chính sách đoàn kết

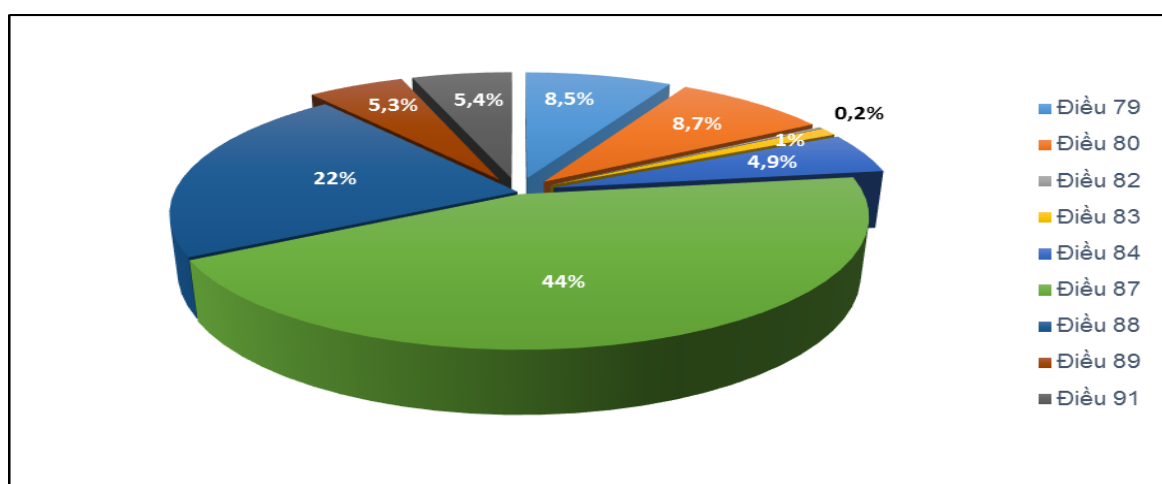
2.2.1. Tình hình tội phạm phá hoại chính sách đoàn kết

Theo số liệu thống kê của Bộ Công an thì từ năm 2000 đến năm 2016, cơ quan an ninh điều tra các cấp trên toàn quốc đã tiến hành khởi tố, điều tra 226 vụ với 905 bị can phạm tội phá hoại chính sách đoàn kết. Tình hình tội phạm phá hoại chính sách đoàn kết từ năm 2000 đến 2016 được thể hiện qua biểu đồ 2.1 sau đây:

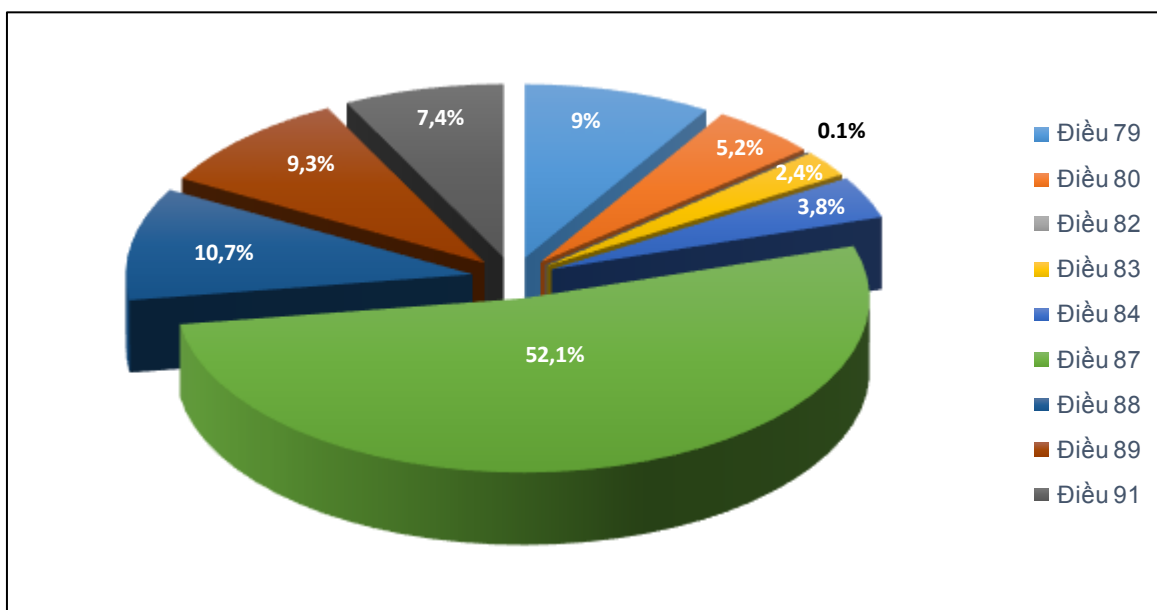


Biểu đồ 2.1: Tình hình tội phạm phá hoại chính sách đoàn kết từ năm 2000 đến năm 2016 (Nguồn: Bộ Công an)

Qua khảo sát cũng cho thấy, tỷ lệ phần trăm về số vụ án và số bị can phạm tội phá hoại chính sách đoàn kết từ năm 2000 đến năm 2016 chiếm tỷ lệ cao nhất với 226 vụ, chiếm tỷ lệ 44% số vụ; 905 bị can chiếm 52,1% số bị can trong nhóm các tội xâm phạm ANQG, được thể hiện thông qua biểu đồ số 2.2 và biểu đồ số 2.3 sau đây:



Biểu đồ 2.2: Tỷ lệ phần trăm (%) về số vụ án phá hoại chính sách đoàn kết từ năm 2000 đến năm 2016 (Nguồn: Bộ Công an)



Biểu đồ 2.3: Tỷ lệ phần trăm (%) về số bị can phá hoại chính sách đoàn kết từ năm 2000 đến năm 2016 (Nguồn: Bộ Công an)

Qua nghiên cứu các vụ án phá hoại chính sách đoàn kết có thể rút ra một số đặc điểm sau:

Thứ nhất, tỷ lệ vụ án, bị can của tội phá hoại chính sách đoàn kết chiếm cao hơn so với các vụ án xâm phạm ANQG khác. Khi xem xét, đánh giá tình hình tội phạm phá hoại chính sách đoàn kết cần nhìn nhận trong tổng thể âm mưu và hoạt động của các thế lực thù địch và các đối tượng phản động. Trước diễn biến mau lẹ, phức tạp của tình hình thế giới, khu vực và trong nước, Đảng ta đã chỉ rõ “Các thế lực thù địch vẫn tiếp tục thực hiện âm mưu “diễn biến hòa bình” gây bạo loạn, lật đổ, sử dụng chiêu bài “dân chủ”, “nhân quyền” hòng làm thay đổi chế độ chính trị ở nước ta” [11, tr.87]. Thực tế cũng cho thấy các thế lực thù địch và các đối tượng phản động đẩy mạnh các hoạt động phá hoại chính sách đoàn kết với phương thức, thủ đoạn ngày càng tinh vi, xảo quyệt. Từ năm 2000 đến nay, các đối tượng đã gây ra hai sự kiện chính trị đặc biệt nghiêm trọng xảy ra vào tháng 02/2001 và tháng 4/2004 tại địa bàn các tỉnh Tây Nguyên.

Thứ hai, với đặc thù là loại án về ANQG nên tội phá hoại chính sách đoàn kết phản ánh đầy đủ tình hình ANTT của nước ta. Từ năm 2000 tới 2016, số vụ và số bị can phạm tội phá hoại chính sách đoàn kết tăng đột biến sau hai vụ bạo loạn năm 2001 và năm 2004, cao nhất là năm 2004 với 41 vụ, 266 bị can và năm 2005 với 47 vụ, 183 bị can. Do công tác phòng ngừa tội phạm của các cơ quan chức năng phát huy hiệu quả nên đã tội phá hoại chính sách đoàn kết nhanh chóng giảm về số vụ và số bị can. Năm 2016 có 03 vụ với 08 bị can.

Thứ ba, địa bàn xảy ra các vụ án phá hoại chính sách đoàn kết thường tập trung vào địa bàn các tỉnh Tây Nguyên (gồm 5 tỉnh: Gia Lai, Đắk Lắk, Kon Tum, Đắk Nông, Lâm Đồng). Tây Nguyên là địa bàn chiến lược về ANQG với vị trí địa lý đặc biệt quan trọng, được coi là “nóc nhà của Đông Dương”, có tiềm năng to lớn trong phát triển kinh tế. Tuy nhiên, đây cũng là địa bàn tiềm ẩn nhiều vấn đề phức tạp, thường bị các thế lực thù địch và các đối tượng phản động lợi dụng thực hiện các âm mưu chống phá Đảng, Nhà nước đặc biệt là vấn đề dân tộc và vấn đề tôn giáo.

Thứ tư, hoạt động phá hoại chính sách đoàn kết thường được tiến hành dưới hình thức đồng phạm. Do mục đích của hoạt động là lật đổ chính quyền nhân dân nên các đối tượng phạm tội luôn có ý thức lôi kéo, tập hợp lực lượng một cách đồng đảo. Cùng với đó, thông qua các mối quan hệ thân tộc, đồng tộc, người có uy tín... mà việc lôi kéo, dụ dỗ, cưỡng ép được tiến hành một cách thuận lợi. Đặc điểm này cũng phản ánh sự phức tạp trong quá trình điều tra các vụ án phá hoại chính sách đoàn kết.

Thứ năm, về đặc điểm đối tượng phạm tội phá hoại chính sách đoàn kết. Qua nghiên cứu 226 vụ án phá hoại chính sách đoàn kết cho thấy trong đa số bị cáo phạm tội phá hoại chính sách đoàn kết là người dân tộc thiểu số, chủ yếu là các tín đồ tôn giáo (đạo Tin lành và đạo Thiên Chúa). Về giới tính:

trong số 905 bị can phạm tội phá hoại chính sách đoàn kết thì số nam giới chiếm tỷ lệ chủ yếu, số nữ giới ít tham gia hoặc có tham gia nhưng vai trò không quan trọng nên ít bị truy tố. Về độ tuổi: trong số 905 bị can, số người ở độ tuổi từ 18 tuổi đến 40 tuổi là chủ yếu.

Thứ sáu, hoạt động phạm tội phá hoại chính sách đoàn kết được thực hiện với thủ đoạn tinh vi, xảo quyệt. Thực tiễn áp dụng PLHS trong điều tra tội phạm trong những năm vừa qua cho thấy, các đối tượng phạm tội thường thực hiện với thủ đoạn tinh vi, xảo quyệt, lợi dụng vấn đề “tự do”, “dân chủ”, “nhân quyền”, “dân tộc”, “tôn giáo” để tiến hành các hoạt động phạm tội. Trong quá trình hoạt động phạm tội, các đối tượng luôn tìm cách móc nối, liên hệ với nước ngoài, tạo dư luận và tìm hậu thuẫn về tinh thần, tài chính từ các cá nhân, tổ chức phản động, các thế lực thù địch ở nước ngoài nhằm chống Đảng, Nhà nước và thay đổi chế độ XHCN ở nước ta.

2.2.2. Thực trạng áp dụng các quy định của pháp luật hình sự về tội phá hoại chính sách đoàn kết

Áp dụng PLHS là một hoạt động thực tiễn pháp lý, là quá trình nhằm cá biệt hóa những quy phạm PLHS vào các trường hợp cụ thể đối với người đã thực hiện hành vi mà Nhà nước coi là tội phạm, mang tính tổ chức - quyền lực nhà nước và được thực hiện theo một trình tự đặc biệt do pháp luật tố tụng hình sự quy định. Hoạt động này nhằm vật chất hóa những quy định của PLHS, nội dung của áp dụng PLHS phụ thuộc vào chính PLHS. Một cách khái quát và đơn giản thì điều đó có nghĩa là PLHS quy định điều gì thì việc áp dụng PLHS sẽ cá biệt hóa những quy định đó trong những quan hệ xã hội cụ thể và cho các chủ thể cụ thể. Khi được chuyển hóa vào thực tế, việc áp dụng PLHS cũng chính là việc chuyển hóa hai nội dung về tội phạm và hình phạt vào các trường hợp cụ thể thành hai nội dung tương ứng là định tội danh và quyết định hình phạt.

2.2.2.1. Định tội danh

Định tội danh là việc chủ thể áp dụng PLHS xác định hành vi nguy hiểm cho xã hội đã được thực hiện có phù hợp với mô hình pháp lý của một tội nào đó trong BLHS hay không. Mặc dù việc xác định có tội hay không có tội được thể hiện một cách rõ nét nhất trong hoạt động xét xử của Tòa án nhưng điều đó hoàn toàn không có nghĩa là việc định tội danh chỉ diễn ra trong giai đoạn xét xử. Định tội danh là hoạt động được diễn ra trong tất cả các giai đoạn của tố tụng hình sự, đặc biệt là trong giai đoạn điều tra. Khi nghiên cứu định tội danh đối với tội phá hoại chính sách đoàn kết, rút ra một số đặc điểm sau:

Thứ nhất, định tội danh đối với tội phá hoại chính sách đoàn kết là hoạt động phức tạp, đòi hỏi sự phân tích, đánh giá tình hình một cách khách quan, chính xác, bám sát mục tiêu, yêu cầu, nhiệm vụ bảo đảm ANTT. Do thuộc nhóm tội xâm phạm ANQG nên trong quá trình giải quyết vụ án, Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Tòa án có nghĩa vụ chứng minh mục đích phạm tội "chống chính quyền nhân dân" và chỉ khi nào chứng minh được mục đích này thì người thực hiện hành vi phạm tội mới bị truy cứu trách nhiệm hình sự về tội phá hoại chính sách đoàn kết. Tuy nhiên, mục đích phạm tội thuộc yếu tố chủ quan của người phạm tội nên việc tri giác thông thường là không thể phát hiện được. Để chứng minh được mục đích chống chính quyền nhân dân, đòi hỏi các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng có khả năng phân tích, tổng hợp cả quá trình thực hiện hành vi phạm tội. Mục đích được bộc lộ qua lời nói, hành động cụ thể, thái độ chống đối của người thực hiện hành vi.

Thứ hai, định tội danh đảm bảo phân hóa đối tượng trong các vụ phá hoại chính sách chính sách theo nguyên tắc xử lý tại Điều 3: “Nghiêm trị người chủ mưu, cầm đầu, chỉ huy, ngoan cố, chống đối, lưu manh, côn đồ, tái

phạm nguy hiểm, lợi dụng chức vụ, quyền hạn để phạm tội; người phạm tội dùng thủ đoạn tinh vi, xảo quyệt, có tổ chức, có tính chất chuyên nghiệp, cố ý gây hậu quả nghiêm trọng. Khoan hồng với người tự thú, thành khẩn khai báo, tố giác người đồng tội, lập công chuộc tội, ăn năn hối cải, tự nguyện sửa chữa hoặc bồi thường thiệt hại gây ra”. Từ đó, xác định chính xác hành vi phạm tội và đối tượng phạm tội trong vụ án phá hoại chính sách đoàn kết.

Thứ ba, định tội danh phải nghiêm túc quán triệt chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước về vấn đề dân tộc, tôn giáo, dựa vào quần chúng các dân tộc, tôn giáo, tranh thủ người có uy tín trong đồng bào các dân tộc, các chức sắc tôn giáo, vận động quần chúng nhân dân tích cực đấu tranh, vạch trần âm mưu, hoạt động phá hoại chính sách đoàn kết của các đối tượng. Cùng với đó, căn cứ vào đặc điểm của các tôn giáo, dân tộc để có kế hoạch điều tra, bắt, khám xét, hỏi cung bị can, lấy lời khai cho phù hợp.

Ví dụ 1:

Năm 2000, Nguyễn Văn Lý là linh mục quản sứ An Truyền, xã Phú An, huyện Phú An, thuộc Tổng giáo phận Huế, giáo hội Công giáo Việt Nam đã lợi dụng việc giảng đạo tại nhà thờ Nguyệt Biểu, Thừa Thiên Huế để xuyên tạc, vu cáo thực trạng và chính sách tôn giáo ở nước ta cho rằng Đảng và Nhà nước ta “đàn áp, kỳ thị” tôn giáo, “o bế, truy bức tín ngưỡng của nhân dân”, kêu gọi “cần có tự do tôn giáo thật sự ở Việt Nam” kích động, lôi kéo đồng bào giáo dân bỏ công việc làm ăn, học tập để tụ tập, chống phá chính quyền nhân dân.

Khi nhìn nhận dưới góc độ khoa học luật hình sự, chúng ta thấy:

Về khách thể của tội phạm: Hành vi của đối tượng Nguyễn Văn Lý đã xâm phạm tới sự vững mạnh của chính quyền nhân dân, với đối tượng tác động là chính sách đoàn kết toàn dân, chính sách đoàn kết tôn giáo. Đối tượng đã lợi dụng giáo lý, giáo luật và thông qua hoạt động giảng đạo để lồng ghép

các nội dung có vu cáo, bịa bặt, phá vỡ mối quan hệ gắn bó giữa nhân dân với chính quyền nhân dân, gây mâu thuẫn giữa người theo tôn giáo với người không theo tôn giáo.

Mặt khách quan của tội phạm: Đối tượng Nguyễn Văn Lý đã xuyên tạc, vu cáo thực trạng và chính sách tôn giáo ở nước ta cho rằng Đảng và Nhà nước ta “đàn áp, kỳ thị” tôn giáo, “o bế, truy bức tín ngưỡng của nhân dân”, kêu gọi “cần có tự do tôn giáo thật sự ở Việt Nam” kích động, lôi kéo đồng bào giáo dân bỏ công việc làm ăn, học tập để tụ tập, chống phá chính quyền nhân dân. Hành vi đó gây hậu quả rất nghiêm trọng, ảnh hưởng tới khối đại đoàn kết toàn dân tộc, gây ra sự hiểu lầm, thù địch giữa nhân dân với chính quyền nhân dân, giữa đồng bào theo Thiên Chúa giáo với đồng bào không theo tôn giáo, làm mất ANTT.

Mặt chủ quan của tội phạm: Lỗi của đối tượng Nguyễn Văn Lý là lỗi cố ý trực tiếp. Bị cáo nhận thức rõ hành vi phạm tội của mình là nguy hiểm cho xã hội, thấy trước hậu quả và mong muốn hậu quả xảy ra, nhưng vẫn quyết tâm phạm tội đến cùng. Mục đích của Nguyễn Văn Lý khi thực hiện hành vi là nhằm chống chính quyền nhân dân, phá hoại khối đại đoàn kết dân tộc.

Chủ thể của tội phạm: đối tượng Nguyễn Văn Lý sinh năm 1946, đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự, có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự.

Ngày 19 tháng 10 năm 2001, Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế đã xét xử Nguyễn Văn Lý 15 năm tù giam, 5 năm quản chế về tội phá hoại chính sách đoàn kết và tội không chấp hành quyết định hành chính của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về việc quản chế hành chính.

Ví dụ 2:

Năm 2008, đối tượng Nguyễn Công Chính – Trưởng ban truyền giáo hội thánh tin lành Mennonite Việt Nam, kiêm quản nhiệm Giáo hạt Mennonite Tây Nguyên, Chủ tịch Hiệp hội Thông công tin lành các dân tộc

Việt Nam đã đăng tải hàng loạt bài viết, kiến nghị có nội dung chống Đảng và Nhà nước, thường xuyên trả lời các đài, báo nước ngoài như: BBC, RFA... với nội dung vu cáo Đảng và Nhà nước ta là đàn áp tôn giáo, đồng thời kêu gọi Hoa Kỳ đưa nước ta trở lại “Danh sách các quốc gia cần quan tâm đặc biệt về vấn đề tôn giáo”, đề nghị thành lập “ Ủy ban đặc trách giám sát tự do tôn giáo và nhân quyền cho Việt Nam”... Hành vi của đối tượng đã phá hoại chính sách đoàn kết quốc tế của Đảng và Nhà nước ta, gây ra sự hiểu lầm của thế giới về tình hình tôn giáo nước ta.

Ngày 28 tháng 4 năm 2011, Cơ quan an ninh điều tra Công an tỉnh Gia Rai ra quyết định khởi tố bị can đối với Nguyễn Công Chính về tội phá hoại chính sách đoàn kết quy định tại Điều 87 BLHS năm 1999.

Khi nhìn nhận dưới góc độ khoa học luật hình sự, chúng ta thấy:

Về khách thể của tội phạm: Hành vi của đối tượng Nguyễn Công Chính đã xâm phạm tới sự vững mạnh của chính quyền nhân dân, với đối tượng tác động là chính sách đoàn kết toàn dân, chính sách đoàn kết tôn giáo. Đối tượng đã lợi dụng tôn giáo thực hiện các hành vi tuyên truyền, xuyên tạc, vu cáo, bịa đặt, phá vỡ mối quan hệ gắn bó giữa nhân dân với chính quyền nhân dân, gây mâu thuẫn giữa người theo tôn giáo với người không theo tôn giáo, ảnh hưởng tới vị thế của nước ta trên trường quốc tế, làm các quốc gia trên thế giới hiểu lầm về tình hình tôn giáo ở nước ta.

Mặt khách quan của tội phạm: Đối tượng Nguyễn Công Chính đã đăng tải hàng loạt bài viết, kiến nghị có nội dung chống Đảng và Nhà nước, thường xuyên trả lời các đài, báo nước ngoài như: BBC, RFA... với nội dung vu cáo Đảng và Nhà nước ta là đàn áp tôn giáo, đồng thời kêu gọi Hoa Kỳ đưa nước ta trở lại “Danh sách các quốc gia cần quan tâm đặc biệt về vấn đề tôn giáo”, đề nghị thành lập “ Ủy ban đặc trách giám sát tự do tôn giáo và nhân quyền cho Việt Nam”... Hành vi đó gây hậu quả rất nghiêm trọng, ảnh

hưởng tới khối đại đoàn kết toàn dân tộc, gây ra sự hiểu lầm, thù địch giữa nhân dân với chính quyền nhân dân, giữa đồng bào theo đạo Tin lành với đồng bào không theo tôn giáo, làm mất ANTT.

Mặt chủ quan của tội phạm: Lỗi của đối tượng Nguyễn Công Chính là lỗi cố ý trực tiếp. Bị cáo nhận thức rõ hành vi phạm tội của mình là nguy hiểm cho xã hội, thấy trước hậu quả và mong muốn hậu quả xảy ra, nhưng vẫn quyết tâm phạm tội đến cùng. Mục đích của Nguyễn Công Chính khi thực hiện hành vi là nhằm chống chính quyền nhân dân, phá hoại khối đại đoàn kết dân tộc.

Chủ thể của tội phạm: đối tượng Nguyễn Công Chính sinh năm 1966, đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự, có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự.

2.2.2.2. *Quyết định hình phạt*

Quyết định hình phạt là một giai đoạn rất quan trọng trong hoạt động áp dụng PLHS thể hiện qua thực tiễn xét xử của Tòa án, là việc Tòa án lựa chọn loại hình phạt và mức hình phạt cụ thể được quy định trong BLHS tương ứng với một cấu thành tội phạm cụ thể để áp dụng đối với người phạm tội thể hiện trong bản án buộc tội. Quyết định hình phạt là việc chuyển hóa nội dung quy định của PLHS về hình phạt vào việc xét xử những vụ án cụ thể nên cơ sở pháp lý là BLHS.

Cơ sở của quyết định hình phạt không chỉ bao gồm cơ sở pháp lý mà còn bao gồm cả cơ sở thực tế. Với bản chất là một hoạt động áp dụng pháp luật, cơ sở thực tế là yếu tố bắt buộc phải được xác định vì nó trả lời cho câu hỏi hình phạt sẽ chuyển hóa vào trường hợp nào và cho ai.

Thứ nhất, căn cứ vào các quy định của BLHS về tội phá hoại chính sách đoàn kết. Đứng về mặt cấu trúc, một quy phạm PLHS trong phần các tội phạm cụ thể nói chung và tội phá hoại chính sách đoàn kết nói riêng có một hệ thống các hình phạt khác nhau đi kèm được coi là hình thức trách nhiệm hình sự cho người đã thực hiện tội phạm được quy phạm PLHS mô tả. Đối

với tội phá hoại chính sách đoàn kết, BLHS quy định là hình phạt tù có thời hạn với hai mức khác nhau tại Điều 87: với cấu thành cơ bản từ 5 năm đến 15 năm, cấu thành giảm nhẹ từ 2 năm đến 7 năm và các hình phạt bổ sung tại Điều 92 bao gồm: tước một số quyền công dân từ 1 năm đến 5 năm, phạt quản chế, cấm cư trú từ 1 năm đến 5 năm, tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản.

Thứ hai, căn cứ vào tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của tội phạm đã thực hiện. Tính chất nguy hiểm cho xã hội của tội phạm là thuộc tính khách quan của tội phạm được quyết định chủ yếu bởi tầm quan trọng của khách thể bị tội phạm xâm hại hoặc đe dọa xâm hại. Mức độ nguy hiểm cho xã hội của tội phá hoại chính sách đoàn kết được thể hiện bởi tổng thể các dấu hiệu trong cấu thành tội phạm, được xem xét dựa trên yếu tố khách quan và chủ quan của tội phạm đã thực hiện như: hậu quả, động cơ, mục đích của người phạm tội... Trong thực tế, việc xác định tính chất và mức độ nguy hiểm của hành vi phá hoại chính sách đoàn kết là rất phức tạp và gặp nhiều khó khăn. Do đó, có một số trường hợp thay đổi hình phạt cho phù hợp.

Ví dụ:

Sau khi đã nhận được viện trợ từ nước ngoài, Y Kur B'đáp, thường trú tại thôn 8, xã Ea Sol, huyện Ea H'Leo, tỉnh Đắk Lắk, đã móc nối với nhiều đối tượng đang làm ăn, sinh sống ở Tây Nguyên để tuyên truyền cổ động, hội họp, biểu tình chống lại chính quyền nhân dân. Vào đầu năm 2005, Y Ku B'đáp đã cùng 03 đối tượng khác, do Y Ku cầm đầu tổ chức cho khoảng 30 người đồng bào dân tộc thiểu số ở Tây Nguyên kéo đến Ủy ban nhân dân xã Ea Sol xuyên tạc, bịa đặt chính quyền Việt Nam “đàn áp, phân biệt đối xử không bình đẳng giữa người Kinh với người đồng bào dân tộc thiểu số”, các đối tượng đã dùng vũ khí tự chế để gây áp lực cho chính quyền địa phương....

Tại phiên tòa, sau quá trình phân tích đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk tuyên

án Y Ku B'đáp 12 năm tù về tội phá hoại chính sách đoàn kết và hình phạt bổ sung là quản chế năm năm sau khi chấp hành xong hình phạt tù. Không đồng ý với mức hình phạt đã tuyên, bị cáo kháng cáo đề nghị cấp phúc thẩm xem xét giảm nhẹ hình phạt tù.

Tại phiên tòa cấp phúc thẩm, Hội đồng xét xử nhận định bị cáo phạm tội trong trường hợp ít nghiêm trọng thuộc khoản 2 Điều 87 của Bộ luật hình sự, nên giảm hình phạt cho bị cáo xuống còn 06 năm tù.

Thứ ba, căn cứ vào nhân thân người phạm tội. BLHS quy định một số đặc điểm về nhân thân người phạm là căn cứ để quyết định hình phạt bao gồm: Phạm tội lần đầu, tiền án, tiền sự, tái phạm, tái phạm nguy hiểm, phạm tội có tính chất chuyên nghiệp, ngoan cố, tự thú, hối cải, lập công chuộc tội, người chưa thành niên phạm tội, trình độ lạc hậu, có con nhỏ hoặc đang mang thai... Đối với các tội xâm phạm ANQG nói chung và tội phá hoại chính sách đoàn kết nói riêng, nhân thân người phạm tội cần đặc biệt chú ý vào đặc điểm “có nhận thức chính trị”, còn các đối tượng “do bị mua chuộc, dụ dỗ, nhận thức chính trị không có hoặc rất non kém thì không áp dụng hình phạt, mà nên áp dụng biện pháp tư pháp có tính chất giáo dục, phòng ngừa”.

Thứ tư, căn cứ vào các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Các tình tiết giảm nhẹ và tăng nặng trách nhiệm hình sự được quy định tại Điều 46 và 48 BLHS. Các tình tiết này chỉ làm thay đổi mức độ nguy hiểm trong phạm vi một cấu thành tội phạm chứ không làm thay đổi tính chất của tội phạm ấy. Nghiên cứu các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự chúng ta thấy những tình tiết này hoặc là những tình tiết ảnh hưởng đáng kể đến mức độ nguy hiểm của hành vi (tăng lên, giảm xuống) hoặc là những tình tiết phản ánh khả năng giáo dục, cải tạo của người phạm tội hoặc phản ánh hoàn cảnh đặc biệt của người phạm tội.

Ví dụ:

Theo Bản án hình sự sơ thẩm số 132/2007/HSST ngày 08/11/2007, từ năm 2005 đến năm 2007, Tim Sa Khorn (còn có tên gọi khác là Tim Sà Khorn, Tim Khorn, Chau Khorn, Thiêng Sóc Khorn) sinh năm 1968; trú tại Thăm Đung, huyện Kirivong, tỉnh Tà Keo, Vương quốc Campuchia, đã nhận tiền và phương tiện để tuyên truyền, kích động chia rẽ giữa người Khome với người Kinh bằng thủ đoạn móc nối với nhiều đối tượng để phát tán 500 tạp chí và 300 đĩa VCD của Tổ chức Liên đoàn Khome Campuchia Krom trong vùng đồng bào dân tộc Khome ở tỉnh An Giang có nội dung bịa đặt, xuyên tạc đường lối của Đảng, chính sách của nhà nước Việt Nam đối với đồng bào dân tộc Khơ me, vu cáo nhà nước Việt Nam phân biệt đối xử, đàn áp người dân tộc Khơ me nên đồng bào phải bỏ sang Campuchia để "tỵ nạn" và yêu cầu Liên Hợp Quốc can thiệp. Tim Sa Khorn còn liên lạc, cung cấp tiền và chỉ đạo cho các đối tượng như: Chau Inh, Chau Son, Nèang De xúi giục đồng bào dân tộc Khome tổ chức khiếu kiện đông người, gây rối trật tự công cộng ở An Giang, Cần Thơ, Sóc Trăng và Thành phố Hồ Chí Minh. Ngày 30-6-2007, Tim Sa Khorn trở về Việt Nam thì bị bắt giữ. Ngày 08/11/2007, Tòa án nhân dân tỉnh An Giang tiến hành xét xử đối tượng. Trong quá trình xét xử, Tòa án nhân dân tỉnh An Giang đã căn cứ vào tính chất, mức độ của hành vi phạm tội, áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như phạm tội lần đầu, người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải để quyết định hình phạt đối với Tim Sa Khorn là 01 năm tù về tội phá hoại chính sách đoàn kết.

Dưới góc độ lý luận hình sự, chúng ta có thể phân tích ví dụ trên theo từng cấu thành của tội phạm:

Khách thể của tội phạm: Hành vi của Tim Sa Khorn xâm hại đến sự vững mạnh của chính quyền nhân dân, phá hoại khối đại đoàn kết toàn dân tộc với đối tượng tác động cụ thể là chính sách đoàn kết toàn dân (gây chia rẽ giữa nhân dân với chính quyền nhân dân), chính sách đoàn kết dân tộc (gây

chia rẽ giữa dân tộc Khơme với các dân tộc khác), chính sách đoàn kết quốc tế (giữa nước ta với quốc tế).

Mặt khách quan của tội phạm: Tim Sa Khorn đã tuyên truyền chia rẽ giữa người Khơme với người Kinh (phát tán khoảng 500 tạp chí và 300 đĩa VCD của Tổ chức Liên đoàn Khơme Campuchia Krom có nội dung bịa đặt, xuyên tạc đường lối của Đảng, chính sách của nhà nước Việt Nam đối với đồng bào dân tộc Khơme, vu cáo nhà nước Việt Nam phân biệt đối xử, đàn áp người dân tộc Khơme), kích động khiêu khích đông, người gây rối trật tự công cộng ở các địa bàn An Giang, Sóc Trăng, Cần Thơ, thành phố Hồ Chí Minh; yêu cầu Liên Hợp Quốc can thiệp. Những hành vi đó đã gây ảnh hưởng nghiêm trọng tới khối đại đoàn kết toàn dân tộc, gây ra sự hiểu lầm, thù địch giữa dân tộc Khơme với dân tộc Kinh, giữa dân tộc Khơme với chính quyền nhân dân, ảnh hưởng nghiêm trọng tới tình đoàn kết giữa nước ta với các quốc gia trên thế giới mà cụ thể là đối với nước Campuchia.

Mặt chủ quan của tội phạm: Lỗi của Tim Sa Khorn là lỗi cố ý trực tiếp. Bị cáo nhận thức rõ hành vi phạm tội của mình là nguy hiểm cho xã hội, thấy trước hậu quả và mong muốn hậu quả xảy ra, nhưng vẫn quyết tâm phạm tội đến cùng. Mục đích của Tim Sa Khorn nhằm chống chính quyền nhân dân, phá hoại khối đoàn kết dân tộc, đoàn kết quốc tế.

Chủ thể của tội phạm: đối với tội phá hoại chính sách đoàn kết, chủ thể của tội phạm là bất kỳ ai, có thể là công dân Việt Nam hoặc người nước ngoài. Tim Sa Khorn sinh năm 1968 đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự, có quốc tịch Campuchia, có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự.

2.2.3. Một số đánh giá về thực tiễn áp dụng các quy định của pháp luật hình sự về tội phá hoại chính sách đoàn kết

2.2.3.1. Ưu điểm

Áp dụng các quy định của PLHS về tội phá hoại chính sách đoàn kết đã và đang được của các cơ quan bảo vệ pháp luật tiến hành một cách bài bản,

khéo léo, đảm ứng yêu cầu, mục đích đề ra. Các hoạt động khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử được tiến hành bài bản, tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật, xử lý đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Do việc giải quyết vụ án phá hoại chính sách đoàn kết liên quan mật thiết tới nhiệm vụ bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa, quyền làm chủ của nhân dân, bảo vệ quyền bình đẳng giữa đồng bào các dân tộc, bảo vệ lợi ích nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của công dân nên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử, ngoài việc tuân thủ đúng quy định của pháp luật, các cơ quan tiến hành tố tụng đã tranh thủ được sự đồng tình, ủng hộ của quần chúng nhân dân, tạo tiền đề, cơ sở phòng ngừa, đấu tranh với các hoạt động xâm phạm ANQG.

Trong quá trình giải quyết các vụ án phá hoại chính sách đoàn kết, các cơ quan tiến hành tố tụng đã phân hóa đối tượng tham gia, xác định chính xác đối tượng chủ mưu, cầm đầu, chỉ huy, hoạt động đặc lực với những quần chúng nhân dân nhẹ dạ, cả tin, bị lừa phỉnh tham gia các hoạt động chống đối. Việc phân hóa đối tượng góp phần đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật.

Cùng với đó, mọi hành vi phạm tội phá hoại chính sách đoàn kết được phát hiện kịp thời, xử lý nhanh chóng, không để xảy ra những hậu quả phức tạp về chính trị, xã hội, không để xảy ra tình trạng bức cung, nhục hình, ép cung trong điều tra, tình trạng oan, sai trong xét xử.

2.2.3.2. Hạn chế và nguyên nhân

Trong quá trình định tội danh, để đảm bảo yêu cầu về pháp luật đòi hỏi hoạt động thu thập củng cố tài liệu, chứng cứ được tiến hành kịp thời, nhanh chóng. Tuy nhiên, khi lấy lời khai người làm chứng nhiều điều tra viên không biết tiếng dân tộc nên khó khăn trong giao tiếp, không nắm bắt tâm tư, tình cảm của đồng bào tín đồ tôn giáo, gây cản trở trong quá trình lấy lời khai. Quá trình điều tra phải tiến hành trong những điều kiện, hoàn cảnh phức tạp như một bộ phận quần chúng nhân dân đã bị tuyên truyền, kích động...

Trong áp dụng một số biện pháp ngăn chặn, khi bắt một số đối tượng có nhân thân đặc biệt chưa kịp thời, tổ chức bắt có trường hợp chưa hợp lý, không đảm bảo yêu cầu pháp luật và chính trị, chưa thực hiện tốt công tác vận động quần chúng nên dễ xảy ra tình trạng đối tượng kích động đồng bọn và quần chúng chống lại lực lượng, đặc biệt là những đối tượng có chức sắc trong tôn giáo...

Quá trình quyết định hình phạt cũng còn bộc lộ nhiều vấn đề nhất là trong việc xác định khung hình phạt và mức hình phạt cụ thể. Xuất hiện một số trường hợp phân loại đối tượng chưa chính xác, đặc biệt là giữa đối tượng cầm đầu, chỉ huy với số hoạt động đặc lực dẫn tới việc quyết định hình phạt quá nghiêm khắc hoặc hình phạt quá nhẹ, dễ xảy ra một số vụ án Tòa án cấp phúc thẩm cải sửa về mức hình phạt đã tuyên. Từ đó tạo ra dự luận không tốt đối với quá trình xét xử.

Các hạn chế đó thường do các nguyên nhân chủ yếu sau:

Một là, hiện nay, việc quy định tội phá hoại chính sách đoàn kết trong BLHS năm 1999 tồn tại nhiều bất cập, hạn chế. BLHS năm 2015 phần nào đã khắc phục những hạn chế đó nhưng vẫn chưa được thi hành. Cùng với đó, mặc dù tội phạm này được quy định từ rất lâu trong PLHS, tới nay chỉ có Nghị quyết số 04-NQ/HĐTPTANDTC ngày 29/11/1986 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về Hướng dẫn áp dụng một số quy định trong Phần các tội phạm của BLHS quy định. Tuy nhiên, văn bản này chỉ giải thích khái quát một số vấn đề cơ bản của nhóm tội xâm phạm ANQG chứ chưa giải thích cụ thể một số nội dung quan trọng như “phạm tội trong trường hợp ít nghiêm trọng” tại khoản 2 Điều 87.

Hai là, tội phạm phá hoại chính sách đoàn kết thường hoạt động âm ỉ trong một thời gian dài, khó phát hiện, nếu phát hiện được thì đã bỏ trốn hoặc là quần chúng nhân dân sợ mồi làm việc, liên lụy do đó không tố giác, nên

việc xử lý rất khó khăn. Cần lưu ý rằng, các đối tượng phạm tội phá hoại chính sách đoàn kết thường lợi dụng quan hệ thân tộc, đồng tộc khá vững chắc trong đồng bào các dân tộc thiểu số hoặc lợi dụng giáo lý, giáo luật, lễ nghi tôn giáo nên việc lấy lời khai người làm chứng là rất khó khăn.

Ba là, việc áp dụng các quy định của PLHS nhằm đấu tranh, xử lý tội phá hoại chính sách đoàn kết phải được đặt trong mối quan hệ với việc thực hiện các chính sách khác của Nhà nước. Tuy nhiên, do một số nguyên nhân khách quan và chủ quan mà việc đưa các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước về đoàn kết toàn dân, đoàn kết dân tộc, đoàn kết tôn giáo, đoàn kết quốc tế tới người dân, đặc biệt là đồng bào các dân tộc vùng sâu, vùng xa còn nhiều hạn chế nên tạo điều kiện để các thế lực thù địch, các đối tượng phản động lợi dụng kích động.

Bốn là, do nhận thức đối với tội phá hoại chính sách đoàn kết nói riêng và các tội xâm phạm ANQG nói chung của một bộ phận người dân còn hạn chế. Cùng với đó, do điều kiện về kinh tế, xã hội khó khăn nên dễ bị lôi kéo, dụ dỗ, kích động tham gia các hoạt động chống phá cách mạng. Một số đồng bào còn lầm tưởng các hành vi chỉ đơn thuần là kiến nghị lên Đảng, Nhà nước các vấn đề bức xúc...

Năm là, hành vi phá hoại chính sách đoàn kết là một trong những khâu, những biện pháp, những cách thức phục vụ âm mưu xóa bỏ CNXH trên phạm vi toàn thế giới các thế lực thù địch nước ngoài. Chúng lợi dụng “dân chủ” “nhân quyền” để can thiệp vào công việc nội bộ của nước ta, kể các các công tác khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử. Ở trong nước, hoạt động này luôn nhận được sự tài trợ, sự hà hơi tiếp sức cả về vật chất lẫn chỗ dựa về chính trị.

Kết luận Chương 2

Qua thực tiễn áp dụng các quy định của PLHS về tội phá hoại chính sách đoàn kết cũng cho thấy, tội phạm phá hoại chính sách đoàn kết có diễn biến phức tạp, khó lường với thủ đoạn ngày càng tinh vi, xảo quyệt, hành vi ngày càng phong phú, đa dạng, bị phối, ảnh hưởng bởi âm mưu và hoạt động của các thế lực thù địch và các đối tượng phản động. Theo thống kê của cơ quan an ninh điều tra từ năm 2000 đến năm 2016, tội phá hoại chính sách đoàn kết chiếm tỷ lệ cao nhất về số vụ (226 vụ, chiếm tỷ lệ 44% số vụ) và số bị can (905 bị can chiếm 52,1% số bị can) trong nhóm các tội xâm phạm ANQG.

Tuy nhiên, do nhiều nguyên nhân khách quan lẫn chủ quan mà hoạt động áp dụng PLHS của các cơ quan nhà nước như: Cơ quan an ninh điều tra, Viện kiểm sát, Tòa án nhân dân gặp nhiều khó khăn. Đồng thời, việc xử lý các tội phạm này không giống như các vụ án hình sự khác, phải đáp ứng yêu cầu về chính trị, pháp luật và nghiệp vụ. Thời điểm xử lý cần tính toán một cách thận trọng, không chỉ nhằm chứng minh làm rõ hành vi phạm tội, mà còn phải tranh thủ được sự đồng tình, ủng hộ của quần chúng nhân dân, để quần chúng nhân dân thấy rõ âm mưu chống phá cách mạng của các thế lực thù địch, các đối tượng phản động, thấy rõ đường lối, chính sách Đảng và Nhà nước, không để ảnh hưởng tới lợi ích quốc gia, dân tộc, tránh gây kích động, hiểu lầm.

Chương 3

CÁC GIẢI PHÁP BẢO ĐẢM ÁP DỤNG ĐÚNG CÁC QUY PHẠM PHÁP LUẬT VỀ TỘI PHÁ HOẠI CHÍNH SÁCH ĐOÀN KẾT

3.1. Hoàn thiện các quy định của pháp luật hình sự Việt Nam về tội phá hoại chính sách đoàn kết

Tại kỳ họp khóa 10, Quốc hội khóa XIII thông qua BLHS năm 2015, dự định có hiệu lực từ ngày 01/7/2016. Tuy nhiên, qua phản ánh của nhiều cử tri và rà soát của các cơ quan chức năng thì BLHS có nhiều sai sót nên theo Bộ luật đã lùi hiệu lực thi hành theo Nghị quyết 144/2016/QH13 ngày 29/6/2016. Tuy nhiên, về cơ bản, tội phá hoại chính sách đoàn kết của BLHS năm 2015 và bản đề nghị sửa đổi không có sự khác biệt.

“Điều 116. Tội phá hoại chính sách đoàn kết

1. Người nào thực hiện một trong những hành vi sau đây nhằm chống chính quyền nhân dân, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 15 năm:

a) Gây chia rẽ giữa các tầng lớp nhân dân, giữa nhân dân với chính quyền nhân dân, với lực lượng vũ trang nhân dân, với các tổ chức chính trị - xã hội;

b) Gây hằn thù, kỳ thị, chia rẽ, ly khai dân tộc, xâm phạm quyền bình đẳng trong cộng đồng các dân tộc Việt Nam;

c) Gây chia rẽ người theo tôn giáo với người không theo tôn giáo, giữa người theo các tôn giáo khác nhau, chia rẽ các tín đồ tôn giáo với chính quyền nhân dân, với các tổ chức chính trị - xã hội;

d) Phá hoại việc thực hiện chính sách đoàn kết quốc tế.

2. Phạm tội trong trường hợp ít nghiêm trọng, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm.

3. Người chuẩn bị phạm tội này, thì bị phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.” [28, tr.75]

So sánh với BLHS năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009, BLHS năm 2015 có một số điểm thay đổi cho phù hợp với tình hình thực tiễn đấu tranh, phòng chống loại tội phạm này.

Thứ nhất, sửa đổi điểm a khoản 1 theo hướng sắp xếp lại đối tượng bị gây chia rẽ với nhân dân, từ “lực lượng vũ trang, chính quyền nhân dân, các tổ chức xã hội” thành “chính quyền nhân dân, lực lượng vũ trang, các tổ chức chính trị - xã hội”. Việc sắp xếp theo thứ tự như vậy là hoàn toàn hợp lý theo từng cấp độ cụ thể từ chính quyền nhân dân tới lực lượng vũ trang rồi cuối cùng là tổ chức chính trị - xã hội.

Thứ hai, bổ sung thêm hành vi “ly khai dân tộc” tại Điểm b khoản 1. Đây là sự bổ sung hoàn toàn hợp lý vì trong điều kiện, hoàn cảnh hiện nay, các thế lực thù địch, các đối tượng phản động tăng cường các hoạt động kích động ly khai tự trị trong các vùng đồng bào dân tộc thiểu số, đặc biệt là các vùng trọng điểm về ANQG như: vùng Tây Bắc với âm mưu và hoạt động gây ly khai dân tộc Mông, thành lập “Vương quốc Mông” tự trị, dân tộc Mường thành lập “Xứ Mường tự trị”; vùng Tây Nguyên với âm mưu và hoạt động gây ly khai của đồng bào các dân tộc Ê đê, Ba Na... thành lập “nhà nước Êđêgar” tự trị; vùng Tây Nam với âm mưu và hoạt động gây ly khai của đồng bào dân tộc khmer, thành lập “nhà nước khmer” tự trị. Tính chất và mức độ nguy hiểm của hành vi “ly khai dân tộc” cao hơn so với hành vi “gây hấn thù, kỳ thị, chia rẽ”.

Thứ ba, bổ sung thêm hành vi “giữa người theo các tôn giáo khác nhau” tại điểm c khoản 1. Đây là điểm bổ sung đúng đắn của những nhà làm luật vì hiện nay, các đối tượng phản động đã và đang tăng cường các hoạt động kích động, chia rẽ tín đồ các tôn giáo, hình thành và khoét sâu mâu thuẫn giữa các tôn giáo nhằm gây ra xung đột tôn giáo, chiến tranh tôn giáo,

tạo điều kiện tập hợp lực lượng, tiến hành các hoạt động chống phá cách mạng ở mức nguy hiểm hơn.

Thứ tư, sửa đổi “tổ chức xã hội” thành “tổ chức chính trị - xã hội” tại điểm a, c của khoản 1. Đây là điểm sửa đổi hợp lý vì các tổ chức chính trị - xã hội là đối tượng cần được ưu tiên bảo vệ. Hiện nay, các thế lực thù địch tăng cường các hoạt động xâm nhập nội bộ, phá hoại từ bên trong, tạo mâu thuẫn, xung đột xã hội từ trong các tổ chức hợp pháp.

Thứ năm, bổ sung thêm khoản 3 “Người chuẩn bị phạm tội này, thì bị phạt tù từ 6 tháng đến 3 năm”. Đây là sự bổ sung hợp lý, so với BLHS năm 1999, hình phạt đối với người chuẩn bị phạm tội không quá một phần hai mức hình phạt là 15 năm tù, đảm bảo tính nhân đạo, tính đúng đắn, công minh của pháp luật.

Thứ sáu, tăng mức hình phạt tù tối thiểu tại cấu thành cơ bản từ 5 năm lên 7 năm. Việc sửa đổi hình phạt này là hoàn toàn hợp lý theo kết cấu của tội phạm này. Với cấu thành cơ bản hình phạt tù từ 7 năm đến 15 năm, cấu thành giảm nhẹ hình phạt tù là từ 2 năm đến 7 năm. Còn đối với giai đoạn chuẩn bị phạm tội hình phạt tù là từ 6 tháng đến 3 năm. Việc quy định cụ thể tạo điều kiện thuận lợi cho việc quyết định hình phạt, bảo đảm nguyên tắc khách quan, công bằng.

Thứ bảy, sự thay đổi về tuổi chịu trách nhiệm hình sự được quy định trong BLHS năm 2015 đã thay đổi về phạm vi chủ thể của tội phá hoại chính sách đoàn kết. Chủ thể của tội phá hoại chính sách đoàn kết theo BLHS năm 1999 là từ 14 tuổi trở lên còn theo BLHS năm 2015 là từ 16 tuổi trở lên.

Nghiên cứu tội phá hoại chính sách đoàn kết cho thấy, về cơ bản các quy định trong BLHS đã đạt được những thành tựu nhất định về mặt lập pháp hình sự, mô tả toàn diện, đầy đủ các nhóm hành vi nguy hiểm xâm hại tới khối đại đoàn kết toàn dân tộc, đoàn kết quốc tế cần phải nghiêm khắc trừng

trị. Tuy vậy, bên cạnh đó, các quy định trong BLHS năm 1999 và BLHS năm 2015 vẫn còn bộc lộ một số hạn chế nhất định, ảnh hưởng đến hoạt động chứng minh, điều tra, xử lý tội phạm và người phạm tội:

Thứ nhất, việc mô tả hành vi phá hoại chính sách đoàn kết còn chung chung, trừu tượng, gây khó hiểu trong nhận thức và khó áp dụng trong thực tiễn đấu tranh, phòng chống tội phạm. Hành vi khách quan của tội phá hoại chính sách đoàn kết có sự giao thoa, tương đồng với hành vi khách quan một số tội phạm khác trong chương các tội phạm xâm phạm ANQG, gây khó khăn cho việc xác định đối tượng chứng minh, phạm vi chứng minh và định tội danh. Ví dụ như: hành vi "tuyên truyền xuyên tạc, phỉ báng chính quyền nhân dân" trong tội tuyên truyền chống Nhà nước Cộng hòa XHCN Việt Nam, thực chất là gây chia rẽ nhân dân với chính quyền nhân dân trong tội phá hoại chính sách đoàn kết. Cần lưu ý rằng, việc mô tả hành vi của tội phá hoại chính sách đoàn kết hiện nay mang nặng theo hướng mô tả hậu quả hướng tới của loại tội phạm này "gây chia rẽ", "gây hằn thù, kỳ thị, chia rẽ". Do đó, cần sửa lại khoản 1 thành "tuyên truyền, tổ chức, thực hiện một trong những hành vi" và liệt kê các hành vi cụ thể.

Thứ hai, việc liệt kê các hành vi tại điểm a khoản 1 "Gây chia rẽ giữa các tầng lớp nhân dân, giữa nhân dân với lực lượng vũ trang, với chính quyền nhân dân, với các tổ chức xã hội" tại BLHS năm 1999 chưa khoa học, chưa đáp ứng được yêu cầu thực tiễn của công tác đấu tranh, phòng chống đối với loại tội phạm này. Về nội dung, điều luật mô tả cơ bản đầy đủ các hành vi chia rẽ nhưng qua nghiên cứu các vụ án phá hoại chính sách đoàn kết từ năm 2000 tới nay thì chưa có vụ án nào người phạm tội gây chia rẽ nhân dân với các tổ chức xã hội. Đồng thời, cần lưu ý rằng, hành vi phá hoại chính sách đoàn kết toàn dân không chỉ gây chia rẽ các tầng lớp nhân dân mà còn tách nhân dân xa rời hệ thống chính trị ở nước ta. Hệ thống chính trị ở nước ta

không bao gồm các tổ chức xã hội mà gồm: Tổ chức chính trị (Đảng cộng sản Việt Nam), Nhà nước Cộng hòa XHCN Việt Nam; Tổ chức chính trị - xã hội (Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam, Hội Nông dân Việt Nam, Hội Cựu chiến binh Việt Nam) và các tổ chức chính trị - xã hội hợp pháp khác. Bên cạnh đó, việc sắp xếp thứ tự đối tượng bị chia rẽ với nhân dân cũng chưa hợp lý, từ lực lượng vũ trang, tới chính quyền nhân dân và cuối cùng là các tổ chức xã hội. Do đó, cần sắp xếp theo mức độ quan trọng các đối tượng bị gây chia rẽ.

Thứ ba, việc quy định tội phá hoại chính sách đoàn kết theo Điều 87 BLHS năm 1999 chưa đáp ứng yêu cầu bảo vệ ANQG trong tình hình mới. Đối với tội phá hoại chính sách đoàn kết có cấu thành tội phạm giảm nhẹ với khung hình phạt có mức hình phạt cao nhất là 7 năm tù. Đây thuộc loại tội phạm nghiêm trọng. Nếu hành vi của người phạm tội dừng lại ở giai đoạn chuẩn bị phạm tội tại khoản 2 điều 87 thì họ không bị truy cứu trách nhiệm hình sự do theo quy định tại Điều 17 “người chuẩn bị phạm tội rất nghiêm trọng hoặc đặc biệt nghiêm trọng, thì phải chịu trách nhiệm hình sự về tội định thực hiện”. Xuất phát từ tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phá hoại chính sách đoàn kết và hậu quả do hành vi đó gây ra nên yêu cầu cao nhất đặt ra là cần phải tiến hành phòng ngừa, ngăn chặn hành vi phạm tội. Tội phá hoại chính sách đoàn kết đòi hỏi quá trình chuẩn bị công phu, mất nhiều thời gian, với nhiều hành vi riêng lẻ, hành vi trước là tiền đề cho hành vi sau, mọi hành vi đều bị chi phối bởi ý định xâm phạm ANQG. Hành vi khách quan thường là những hành vi diễn ra liên tục, trong thời gian dài mới có thể đạt được mục đích phạm tội. Do đó, cần phải bổ sung quy định về hình phạt trong giai đoạn chuẩn bị phạm tội đối với tội phá hoại chính sách đoàn kết.

Đối với nhóm hành vi phá hoại chính sách đoàn kết tôn giáo tại điểm

b khoản 1, các nhà làm luật đã mô tả “gây chia rẽ người theo tôn giáo với người không theo tôn giáo, giữa tín đồ tôn giáo với chính quyền nhân dân, với các tổ chức xã hội”. Việc mô tả như vậy là chưa đầy đủ do hiện nay, các thế lực thù địch và các đối tượng phản động đang đẩy mạnh hoạt động kích động chia rẽ các tôn giáo nhằm gây xung đột tôn giáo, chiến tranh tôn giáo và thông qua tín ngưỡng tôn giáo để cản trở việc thực hiện quyền và nghĩa vụ của công dân. Do đó, cần bổ sung hành vi “gây chia rẽ giữa các tín đồ các tôn giáo khác nhau” và “lợi dụng tín ngưỡng tôn giáo xâm phạm đến quyền và nghĩa vụ công dân”.

Cùng với đó, việc quy định “tổ chức xã hội” là đối tượng bị chia rẽ với nhân dân tại điểm a, điểm c khoản 1 là chưa hợp lý, vì đây chưa phải là đối tượng có mức độ quan trọng nhất bị chia rẽ và thực tế cũng chưa xảy ra vụ việc cụ thể nào. Do đó, cần sửa “tổ chức xã hội” thành “tổ chức chính trị - xã hội” và bổ sung “tổ chức chính trị”.

Thứ tư, hình phạt đối với tội phá hoại chính sách trong tổng thể các tội xâm phạm ANQG là chưa hợp lý. Sự chưa hợp lý này được thể hiện thông qua mối quan hệ giữa các tội xâm phạm ANQG và từ tình hình thực tiễn đấu tranh, phòng chống loại tội phạm này. Tính tới năm 2016, tội phá hoại chính sách đoàn kết chiếm số lượng cao nhất về số vụ và số bị can. Điều đó phản ánh đúng âm mưu, hoạt động của các thế lực thù địch và các đối tượng phản động trong thời gian qua. Phá hoại khối đại đoàn kết toàn dân tộc đã và đang được xem như khâu đột phá để xóa bỏ vai trò lãnh đạo của Đảng, sự quản lý điều hành xã hội của Nhà nước, gây ra tình trạng chia rẽ, hỗn loạn trong đời sống xã hội. Đồng thời, khi hành vi của loại tội này gây ra hậu quả đặc biệt nghiêm trọng nhưng khó có thể nhận biết và khắc phục. Xét trong tổng thể kế hoạch thì phá hoại chính sách đoàn kết là bước thứ hai sau hoạt động tuyên truyền. Do đó, loại tội này có tính chất và mức độ nguy hiểm cao hơn so với

tội tuyên truyền chống Nhà nước Cộng hòa XHCN Việt Nam. Tuy nhiên, tội tuyên truyền chống Nhà nước Cộng hòa XHCN Việt Nam có mức hình phạt tù cao nhất là 20 năm mà tội phá hoại chính sách đoàn kết có mức hình phạt tù cao nhất là 15 năm. Đây là điều khá bất cập, do đó, cần tăng mức hình phạt của tội phá hoại chính sách đoàn kết lên 20 năm.

Thứ năm, cần giải thích cụ thể các thuật ngữ trong nội dung điều luật tội phá hoại chính sách đoàn kết, đặc biệt là đối với khoản 2 “Phạm tội trong trường hợp ít nghiêm trọng”. Hiện nay, chỉ có Nghị quyết số 04-NQ/HĐTPTANDTC ngày 29/11/1986 của Hội đồng thẩm phán Toà án nhân dân tối cao về Hướng dẫn áp dụng một số quy định trong Phần các tội phạm của BLHS quy định việc xử lý đối với các đối tượng phạm các tội xâm phạm ANQG nói chung và tội phá hoại chính sách đoàn kết nói riêng là “Chỉ cần áp dụng hình phạt đối với trường hợp người phạm tội đã có nhận thức chính trị và đã gây hậu quả nghiêm trọng”. Vậy, nảy sinh tình huống trong thực tiễn là khi áp dụng hình phạt tại khoản 2, có nghĩa là người phạm tội có nhận thức chính trị và đã gây hậu quả nghiêm trọng, phạm tội trong trường hợp ít nghiêm trọng? Chính sự khó hiểu này khiến cho công tác điều tra, xử lý tội phạm gặp khó khăn, nhất là những trường hợp cần thực hiện chính sách khoan hồng hoặc trường hợp cần xử lý theo yêu cầu chính trị.

Nhằm góp phần hoàn thiện các quy phạm pháp luật trong chương các tội xâm phạm ANQG nói chung và tội phá hoại chính sách đoàn kết nói riêng, trên cơ sở những hạn chế nêu trên, tôi đề xuất như sau:

Thứ nhất, hướng hoàn thiện quy định PLHS về tội phá hoại chính sách đoàn kết là sửa đổi, bổ sung một số nội dung cho phù hợp với tình hình hiện nay, cụ thể:

Tội phá hoại chính sách đoàn kết

1. Người nào tuyên truyền, tổ chức, thực hiện một trong những hành

vi sau đây chống chính quyền nhân dân thì bị phạt tù từ 7 năm đến 20 năm.

a. Gây chia rẽ giữa các tầng lớp nhân dân, giữa nhân dân với tổ chức chính trị, với chính quyền nhân dân, với lực lượng vũ trang, với các tổ chức chính trị - xã hội;

b. Gây hằn thù, kỳ thị, chia rẽ, ly khai dân tộc, xâm phạm quyền bình đẳng trong cộng đồng các dân tộc Việt Nam;

c. Gây chia rẽ người theo tôn giáo với người không theo tôn giáo, chia rẽ các tín đồ trong các tôn giáo khác nhau, tín đồ tôn giáo với tổ chức chính trị, chính quyền nhân dân, các tổ chức chính trị - xã hội; lợi dụng tín ngưỡng tôn giáo xâm phạm đến quyền và nghĩa vụ công dân.

d. Phá hoại việc thực hiện chính sách đoàn kết quốc tế.

2. Phạm tội trong trường hợp ít nghiêm trọng thì bị phạt tù 2 năm đến 7 năm.

3. Người chuẩn bị phạm tội này, thì bị phạt tù từ 6 tháng đến 2 năm.

Thứ hai, bên cạnh việc sửa đổi, bổ sung một số nội dung điều luật, Tòa án nhân dân trên cơ sở thống nhất các ý kiến với Cơ quan an ninh điều tra, Viện kiểm sát nhân dân tiến hành xây dựng, ban hành các văn bản hướng dẫn thi hành quy định của PLHS về các tội xâm phạm ANQG nói chung và tội phá hoại chính sách đoàn kết nói riêng, đặc biệt là “phạm tội trong trường hợp ít nghiêm trọng”. Cùng với đó, cần xác định ranh giới các hành vi khách quan của tội phá hoại chính sách đoàn kết với các tội phạm khác trong chương các tội xâm phạm ANQG, mô tả cụ thể, chi tiết một số hành vi.

3.2. Các giải pháp khác

3.2.1. Chủ động phòng ngừa, kịp thời phát hiện, đấu tranh có hiệu quả các hành vi phá hoại chính sách đoàn kết

Yêu cầu cao nhất đối với công tác bảo vệ ANQG, giữ gìn TTATXH là không để xảy ra tội phạm. Do đó, cần chủ động trong công tác phòng ngừa,

ngăn chặn trước các hành vi phạm tội có thể xảy ra hoặc hạn chế tối đa mức độ, phạm vi, tính chất nguy hiểm, thiệt hại do các hành vi đó gây ra. Phòng ngừa nhằm loại bỏ những nguyên nhân, điều kiện phát sinh tội phạm, không để các thế lực thù địch, các đối tượng phản động lợi dụng, kích động, chia rẽ, phá vỡ khối đại đoàn kết toàn dân tộc, đoàn kết quốc tế, đồng thời góp phần thúc đẩy công tác đấu tranh chống tội phạm. Phòng ngừa bao hàm ở hai nội dung chính là phòng ngừa xã hội và phòng ngừa nghiệp vụ. Hai nội dung phòng ngừa này có mối quan hệ gắn bó chặt chẽ, tác động qua lại lẫn nhau.

Hoạt động phòng ngừa đòi hỏi phải huy động đồng bộ, có hệ thống, có sự phối hợp chặt chẽ của tất cả các ban, ngành, cơ quan Nhà nước, các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội và cá nhân công dân đặt dưới sự lãnh đạo tập trung, thống nhất của Đảng, khắc phục nhanh chóng những sơ hở, thiếu sót, hạn chế tối đa những nguyên nhân và điều kiện phạm tội, từng bước loại trừ ra khỏi đời sống xã hội. Trong quá trình tổ chức chủ động phòng ngừa các tội xâm phạm ANQG nói chung và tội phá hoại chính sách đoàn kết nói riêng, đòi hỏi phải sử dụng đồng bộ nhiều cách thức, biện pháp và hình thức khác nhau, huy động tổng lực các nguồn lực tham gia vào hoạt động. Trên cơ sở thực tiễn, có thể đề xuất các giải pháp phòng ngừa sau đây:

Một là, phát huy vai trò lãnh đạo của Đảng, huy động sức mạnh tổng thể của cả hệ thống chính trị, toàn xã hội các trong hoạt động phòng ngừa.

Tại Điều 4 Hiến pháp năm 2013 quy định “Đảng Cộng sản Việt Nam - Đội tiên phong của giai cấp công nhân, đồng thời là đội tiên phong của Nhân dân lao động và của dân tộc Việt Nam, đại biểu trung thành lợi ích của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và của cả dân tộc, lấy chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng, là lực lượng lãnh đạo Nhà nước và xã hội” [27, tr.9]. Sự lãnh đạo đúng đắn và sáng tạo của Đảng là nhân tố cơ bản quyết định mọi thắng lợi của cách mạng Việt Nam.

Qua nghiên cứu các vụ án phá hoại chính sách đoàn kết từ năm 2000 tới năm 2016, có thể thấy, hoạt động phá hoại chính sách đoàn kết chủ yếu xảy ra trên địa bàn tập trung đông đồng bào dân tộc thiểu số như vùng Tây Nguyên, Tây Bắc... Nhìn chung, đời sống đồng bào còn gặp nhiều khó khăn, thiếu thốn, các hủ tục lạc hậu ăn sâu vào tiềm thức. Do đó, Nhà nước ta cần đưa ra nhiều chính sách phát triển kinh tế - xã hội tới từng đồng bào, thực hiện tốt việc giao đất, khoán rừng, quan tâm giải quyết và cấp đủ đất ở, nước sinh hoạt, đất sản xuất, đất tái định cư cho đồng bào, nhanh chóng đảm bảo ổn định đời sống nhân dân, đặc biệt là sau các vụ việc phức tạp về ANQG như năm 2001, 2004 tại Tây Nguyên.

Cùng với đó để phòng ngừa các hoạt động lợi dụng các vấn đề phức tạp về tôn giáo phá hoại chính sách đoàn kết mà cụ thể là các hoạt động tuyên truyền, vu cáo nhà nước ta là đàn áp tôn giáo, xâm phạm quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo. Nhà nước ta cần chăm lo phát triển kinh tế-xã hội ở vùng giáo, giúp đỡ đồng bào xóa đói, giảm nghèo, nâng cao dân trí. Tranh thủ sự đồng tình và ủng hộ của số chức sắc và tín đồ tôn giáo trong cuộc đấu tranh bảo vệ ANQG nói chung và chính sách đại đoàn kết toàn dân tộc nói riêng; ban hành văn bản pháp luật quy định cụ thể về hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo của nhân dân.

Cần giải quyết nhanh chóng, có hiệu quả những vấn đề phức tạp phát sinh có liên quan trên lĩnh vực tôn giáo, dân tộc; giải quyết kịp thời các vụ việc gây nhiều bức xúc trong dư luận quần chúng nhân dân như: Đình công, khiếu kiện, tranh chấp đất đai... Trên cơ sở đó, từng bước giải tỏa tâm lý bất bình, bất mãn trong các tầng lớp xã hội và góp phần củng cố niềm tin của quần chúng vào chế độ.

Hai là, các cơ quan bảo vệ pháp luật mà chủ yếu và nòng cốt là lực lượng CAND cần tăng cường công tác vận động quần chúng, nắm chắc đặc

điểm tình hình trên từng địa bàn, làm tốt vai trò tham mưu cho Đảng, Nhà nước đề ra chủ trương, đối sách xử lý phù hợp trong từng thời kỳ với các hoạt động xâm phạm ANQG nói chung và tội phá hoại chính sách đoàn kết nói riêng. Tổ chức, triển khai lực lượng trên các địa bàn xung yếu, quan trọng, phức tạp về ANTT, sẵn sàng trấn áp mọi hoạt động phạm tội có tính chất phức tạp, uy hiếp tới sự tồn vong của chế độ XHCN. Nắm chắc âm mưu và hoạt động của các thế lực thù địch, các đối tượng phản động, chủ động đánh địch từ xa. Để thực hiện tốt nhiệm vụ trên, các cơ quan bảo vệ pháp luật nói chung và lực lượng CAND nói riêng cần xây dựng đội ngũ cán bộ có phẩm chất chính trị, có đạo đức trong sáng, tinh thông về nghiệp vụ, vững vàng về pháp luật, có tinh thần trách nhiệm, có ý thức phục vụ nhân dân, thường xuyên bồi dưỡng, hoàn thiện năng lực và kỹ năng công tác. Cùng với đó cần đảm bảo hệ thống cơ sở vật chất kỹ thuật hiện đại, đáp ứng đầy đủ yêu cầu nhiệm vụ đấu tranh, phòng chống tội phạm trong của tình hình mới.

Bên cạnh việc chủ động phòng ngừa, cần kịp thời phát hiện, ngăn chặn, đấu tranh có hiệu quả với các hành vi phá hoại chính sách đoàn kết. Đây là hai hoạt động có quan hệ biện chứng lẫn nhau. Hoạt động phòng ngừa tạo tiền đề, thuận lợi cho hoạt động phát hiện, ngăn chặn, đấu tranh. Hoạt động phát hiện, ngăn chặn, đấu tranh góp phần hoàn thiện hoạt động phòng ngừa. Kịp thời phát hiện, ngăn chặn, đấu tranh có hiệu quả với các tội phá hoại chính sách đoàn kết, tức là làm hạn chế tới mức tối đa hậu quả của hành vi có thể xảy ra, không thể các hành vi trở nên phức tạp, kéo dài, chuyển đổi sang loại tội khác như phá rối an ninh, bạo loạn, hoạt động nhằm lật đổ chính quyền nhân dân...

Chủ động tấn công, trấn áp các đối tượng xâm phạm khối đoàn kết toàn dân tộc, lực lượng CAND phải chủ động phát hiện và nắm chắc các di biến động, các âm mưu và hoạt động của các cá nhân, tổ chức phản động

trong và ngoài nước. Kiên quyết, kiên trì đấu tranh nhằm làm tê liệt, vô hiệu hóa các hoạt động chống phá chính quyền nhân dân. Phát hiện và ngăn chặn không để hình thành các tổ chức phản động, không để các đối tượng phản động từ nước ngoài về nước, chỉ đạo các hoạt động, không để các đối tượng cơ hội chính trị, các đối tượng có chức sắc, cầm đầu, cốt cán có tư tưởng chống đối cực đoan trong dân tộc và tôn giáo có sự liên kết, phối hợp.

Ngoài ra, cần tiến hành phản bác các quan điểm sai trái, thù địch của các thế lực thù địch. Việc phản bác được tiến hành thông qua các phương tiện truyền thông đại chúng, các báo đài điện tử, tạo dư luận tốt trong quần chúng nhân dân, không để hình thành các khuynh hướng, các trào lưu chống đối Đảng và Nhà nước. Tăng cường công tác tuyên truyền đối ngoại giúp nhân dân thế giới hiểu rõ chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước ta, góp phần đấu tranh chống các hoạt động xuyên tạc, vu khống tình hình dân chủ, nhân quyền, tôn giáo, dân tộc ở nước ta của các thế lực thù địch.

Cùng với đó, tăng cường công tác giáo dục chính trị tư tưởng trong quần chúng nhân dân, tạo sự “miễn nhiễm” trong quần chúng với các luận điệu truyền truyền, xuyên tạc, chia rẽ khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Cùng với đó, đẩy mạnh các phong trào “toàn dân bảo vệ an ninh tổ quốc”, phát động các phong trào về phòng, chống tội phạm.

3.2.2. Tăng cường công tác hướng dẫn, giải thích các quy định của pháp luật hình sự về tội phá hoại chính sách đoàn kết

Pháp luật hình sự là công cụ sắc bén, là phương tiện vững chắc để bảo đảm ANTT. Tuy nhiên, để phát huy đầy đủ, toàn diện vai trò của PLHS, đòi hỏi công tác hướng dẫn, giải thích pháp luật phải được đảm bảo. Giải thích pháp luật là làm sáng tỏ tư tưởng, nội dung ý nghĩa của các quy phạm pháp luật, đảm bảo nhận thức và thực hiện pháp luật một cách nghiêm chỉnh, thống nhất. Trách nhiệm cao nhất trong việc hướng dẫn, giải thích các quy định của

PLHS về tội phá hoại chính sách đoàn kết là thuộc về Tòa án nhân dân, cùng với đó là sự phối hợp của Viện kiểm sát và cơ quan điều tra. Việc hướng dẫn, giải thích theo các nội dung sau đây:

Thứ nhất, hướng dẫn, giải thích về hành vi phá hoại chính sách đoàn kết.

Việc hướng dẫn, giải thích về hành vi phá hoại chính sách đoàn kết có tính tất yếu, khách quan do hành vi phá hoại chính sách đoàn kết được mô tả một cách chung chung, trừu tượng và dễ bị nhầm lẫn với hành vi của các loại tội khác như tội tuyên truyền chống nhà nước Cộng hòa XHCN Việt Nam (Điều 88), tội phá rối an ninh (Điều 89), tội hoạt động nhằm lật đổ chính quyền nhân dân (Điều 79)... Hành vi khách quan của tội phá hoại chính sách đoàn kết được mô tả theo hướng hậu quả hướng tới trực tiếp của hành vi như “gây chia rẽ”, “gây hằn thù, kỳ thị, chia rẽ”...

Trong thực tiễn, người phạm tội phá hoại chính sách đoàn kết có thể thực hiện đồng thời hai hay nhiều hành vi cùng một lúc. Do vậy, quá trình áp dụng những quy định PLHS về tội phá hoại chính sách đoàn kết các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng gặp nhiều khó khăn. Cần hướng dẫn, giải thích theo hướng âm mưu và hoạt động trong thực tiễn của các thế lực thù địch, các đối tượng phản động nhằm chống phá nước ta. Hành vi phá hoại chính sách đoàn kết được nhìn nhận là một bộ phận, một mắt xích trong chuỗi các hành vi cụ thể trong chiến lược “diễn biến hòa bình”, tuyên truyền là bước đầu tiên trong chiến lược, kế tiếp là hoạt động phá hoại chính sách đoàn kết, sau đó là các hoạt động kích động phá rối an ninh, bạo loạn, hoạt động nhằm lật đổ chính quyền nhân dân, khủng bố nhằm chống chính quyền nhân dân...

Bên cạnh đó, hành vi trong cấu thành giảm nhẹ của tội phá hoại chính sách đoàn kết tại khoản 2 Điều 87 “phạm tội trong trường hợp ít nghiêm trọng” chưa có văn bản giải thích cụ thể dẫn tới việc khó áp dụng vào trong

thực tiễn đấu tranh, phòng chống tội phạm. Trường hợp ít nghiêm trọng đối với hành vi phá hoại chính sách đoàn kết bao gồm những trường hợp thế nào khi mà trong thực tiễn, hoạt động này khi bị phát hiện, đấu tranh thường gây ra những hậu quả đặc biệt nghiêm trọng như hai vụ việc phức tạp ở Tây Nguyên năm 2001 và năm 2004. Cùng với đó, hành vi này là rất khó xác định cụ thể nên không bộc lộ qua hậu quả xảy ra, do hành vi phá hoại chính sách đoàn kết tấn công vào tư tưởng, tâm tư, tình cảm của quần chúng nhân dân, khơi lên những nỗi bất hòa, reo rắc sự nghi kỵ, chống đối.

Thứ hai, hướng dẫn, giải thích về khung hình phạt và mức hình phạt.

Hình phạt là một bộ phận không thể thay thế, có tính đặc trưng đối với PLHS. Loại hình phạt chính đối với tội phá hoại chính sách đoàn kết là hình phạt tù có thời hạn, loại hình phạt bổ sung bao gồm tước một số quyền công dân từ 1 năm đến 5 năm, phạt quản chế, cấm cư trú từ 1 năm đến 5 năm, tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản. Mức hình phạt hình phạt cao nhất đối với tội phá hoại chính sách đoàn kết là 15 năm tù và là loại tội phạm rất nghiêm trọng. Bên cạnh đó, do việc giải thích cấu thành giảm nhẹ trong tội phá hoại chính sách đoàn kết chưa được giải thích cụ thể, rõ ràng nên việc giải thích về hình phạt trong cấu thành này cũng gặp nhiều khó khăn.

Cùng với đó, cần chú ý phổ biến tinh thần nội dung Nghị quyết số 04-NQ/HĐTP/TANDTC ngày 29/11/1986 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về Hướng dẫn áp dụng một số quy định trong Phần các tội phạm của BLHS “đối với người tuy đã đủ điều kiện về tuổi như đã nói trên, cần xem xét hoàn cảnh phạm tội và nhận thức của họ đối với tội phạm. Đối với các tội xâm phạm ANQG, nếu do bị mua chuộc, dụ dỗ, nhận thức chính trị không có hoặc rất non kém thì không áp dụng hình phạt, mà nên áp dụng biện pháp tư pháp có tính chất giáo dục, phòng ngừa (như đưa vào trường giáo dưỡng theo

Điều 62). Chỉ cần áp dụng hình phạt đối với trường hợp người phạm tội đã có nhận thức chính trị và đã gây hậu quả nghiêm trọng” [19, tr.247].

Thứ ba, hướng dẫn, giải thích về giai đoạn chuẩn bị phạm tội.

Cần giải thích cụ thể về giai đoạn chuẩn bị phạm tội để thống nhất nhận thức hành vi nguy hiểm cho xã hội nào là tội phạm, hành vi nào không phải là tội phạm. Theo quy định của BLHS nước ta, chuẩn bị phạm tội là tìm kiếm, sửa soạn công cụ, phương tiện hoặc tạo ra những điều kiện khác để thực hiện tội phạm. Người chuẩn bị phạm một tội rất nghiêm trọng hoặc một tội đặc biệt nghiêm trọng thì phải chịu trách nhiệm hình sự về tội định thực hiện. Nếu người phạm tội trong giai đoạn chuẩn bị phạm tội tại khoản 1 Điều 87 thì bị truy cứu trách nhiệm hình sự, nếu trong giai đoạn chuẩn bị phạm tội tại khoản 2 Điều 87 thì không bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

3.2.3. Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về tội phá hoại chính sách đoàn kết, về âm mưu, phương thức, thủ đoạn phá hoại chính sách đoàn kết của các thế lực thù địch và các đối tượng phản động

Đây là hoạt động có ý nghĩa quan trọng trong việc tạo sức đề kháng, sự miễn nhiễm trước các hoạt động tuyên truyền, kích động, gây chia rẽ khối đại đoàn kết toàn dân tộc của các thế lực thù địch và các đối tượng phản động nhằm xóa bỏ vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, sự quản lý, điều hành xã hội của Nhà nước. Việc tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật góp phần nâng cao ý thức tuân thủ pháp luật, răn đe các đối tượng đang có âm mưu thực hiện các hành vi phá hoại chính sách đoàn kết.

Hình thức tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về tội phá hoại chính sách đoàn kết và âm mưu, phương thức, thủ đoạn phá hoại chính sách đoàn kết của các thế lực thù địch và các đối tượng phản động có thể thông qua các phương tiện truyền thông đại chúng như báo, đài, tivi..., tổ chức các cuộc trao đổi, nói chuyện về tình hình các tội xâm phạm ANQG và âm mưu, hoạt

động của các thế lực thù địch và các đối tượng phản động tại các địa bàn đông người như cơ quan, nhà máy, tổ chức xã hội, địa bàn dân cư, các địa bàn trọng điểm hay bị lợi dụng, kích động như các vùng đồng bào các dân tộc thiểu số, vùng đồng bào tín đồ tôn giáo; tổ chức các câu lạc bộ pháp luật, các đội thông tin cổ động, các cuộc thi tìm hiểu về pháp luật ANQG nói chung, tội phá hoại chính sách đoàn kết nói riêng; kết hợp với các hoạt động văn hóa văn nghệ khác, lồng ghép với nội dung tuyên truyền pháp luật về ANQG; thông qua các hoạt động xét xử lưu động đối với các đối tượng phạm tội. Hoạt động xét xử lưu động không chỉ chứng minh làm rõ hành vi phạm tội của bị cáo, mà còn làm cho những người dự phiên tòa thấy rõ âm mưu chống phá của các thế lực thù địch, thấy rõ chính sách khoan hồng của Đảng và Nhà nước ta đối với những người bị xúi giục, lôi kéo mà tiếp tay cho các thế lực thù địch.

Bên cạnh đó, công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về tội phá hoại chính sách đoàn kết và âm mưu, phương thức, thủ đoạn phá hoại chính sách đoàn kết của các thế lực thù địch và các đối tượng phản động phải hướng tới những người có uy tín trong đồng bào các dân tộc ít người, các chức sắc tôn giáo, các văn nghệ sĩ, trí thức có uy tín trong quần chúng nhân dân... Thông qua đó, góp phần nắm bắt tâm tư, nguyện vọng của người dân, đảm bảo hiệu quả của công tác tuyên truyền.

Nội dung tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về tội phá hoại chính sách đoàn kết và âm mưu, phương thức, thủ đoạn phá hoại chính sách đoàn kết của các thế lực thù địch và các đối tượng phản động bao gồm: Các chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước trong xử lý đối với các tội xâm phạm ANQG nói chung, tội phá hoại chính sách đoàn kết nói riêng; Các quy định của PLHS hiện hành về tội phạm này, cụ thể tại Điều 87; Tình hình phạm tội và quá trình điều tra, truy tố, xét xử của các cơ quan chức năng; Các thông tin hướng dẫn hành vi pháp luật cụ thể của công dân khi phát

hiện hành vi nghi vấn là tội phá hoại chính sách đoàn kết (quy trình, hình thức, phương pháp trình báo...). Nội dung và hình thức tuyên truyền cần có sự tương thích và phù hợp với nhau để phát huy tối đa hiệu quả.

3.2.4. Nâng cao trình độ chuyên môn, tăng cường bản lĩnh chính trị và đạo đức cách mạng của cán bộ tư pháp

Các cơ quan bảo vệ pháp luật và cán bộ tư pháp giữ vai trò quan trọng, quyết định trong công tác đấu tranh, phòng chống tội phạm nói chung và tội phá hoại chính sách đoàn kết nói riêng. Việc nâng cao trình độ chuyên môn, bản lĩnh chính trị và đạo đức cách mạng của cán bộ tư pháp là yêu cầu khách quan.

Hiện nay, các thế lực thù địch và các đối tượng phản động tăng cường, đẩy mạnh các hoạt động chống phá Đảng, Nhà nước với phương thức, thủ đoạn ngày càng tinh vi, xảo quyệt. Các hoạt động có sự liên kết, chỉ đạo, phối hợp giữa các đối tượng bên trong và đối tượng bên ngoài đất nước, gây khó khăn cho công tác phòng ngừa, ngăn chặn, đấu tranh. Cùng với đó, trước những biến đổi ngày càng mau lẹ phức tạp của tình hình thế giới đã tác động không nhỏ tới tâm tư, tình cảm, nhận thức của một bộ phận không nhỏ quần chúng nhân dân trong đó có cả các cán bộ, đảng viên.

Bên cạnh đó, tình hình tội phạm xâm phạm ANQG nói chung, tội phá hoại chính sách đoàn kết nói riêng ngày càng trở nên quyết liệt. Đây là một bộ phận của cuộc đấu tranh giai cấp, đấu tranh trong việc giành, giữ chính quyền. Do đó, cuộc đấu tranh này còn phức tạp, kéo dài và phản ánh đầy đủ đặc điểm tình hình chính trị ở nước ta. Do đó, hoạt động nâng cao trình độ chuyên môn, bản lĩnh chính trị và đạo đức cách mạng của cán bộ tư pháp phải được tiến hành thường xuyên, liên tục, có kế hoạch cụ thể.

Cùng với đó, Đảng ta luôn thể hiện sự quan tâm, chỉ đạo sát sao đến công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, nhất là đối với cán bộ có các chức danh tư

pháp (Điều tra viên, Kiểm sát viên và Thẩm phán), thể hiện thông qua Nghị quyết số 08/NQ-TW ngày 02 tháng 01 năm 2002 của Bộ Chính trị về một số nhiệm vụ trọng tâm công tác tư pháp trong thời gian tới; Nghị quyết số 48/NQ-TW ngày 24/5/2005 của Bộ Chính trị về Chiến lược xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam đến năm 2010, định hướng đến năm 2020 và Nghị quyết số 49/NQ-TW ngày 02 tháng 6 năm 2005 của Bộ Chính trị về Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020... Mặc dù, thời gian qua các cán bộ tư pháp nước nhà đã nỗ lực không mệt mỏi, góp phần bảo vệ vững chắc chính quyền nhân dân, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, công dân, không để xảy ra các hiện tượng tiêu cực, tình trạng oan, sai, bức cung, nhục hình... nhưng khi đánh giá về đội ngũ cán bộ tư pháp, Đảng ta vẫn thẳng thắn thừa nhận "Công tác cán bộ của các cơ quan tư pháp chưa đáp ứng được tình hình hiện nay. Đội ngũ cán bộ tư pháp còn thiếu về số lượng, yếu về trình độ và năng lực nghiệp vụ, một bộ phận tiêu cực, thiếu trách nhiệm, thiếu bản lĩnh, sa sút về phẩm chất đạo đức" [09, tr.8]. Do đó, việc nâng cao trình độ, bản lĩnh chính trị và đạo đức cách mạng của cán bộ tư pháp là giải pháp có tính then chốt, đột phá.

Tổ chức các cơ quan tư pháp theo tinh thần cải cách tư pháp cần gắn với công tác cán bộ, xây dựng đội ngũ cán bộ làm công tác tư pháp giỏi về chuyên môn, có trình độ ngoại ngữ và có tâm trong sáng, đặc biệt là đối với đội ngũ thẩm phán. Thẩm phán là trung tâm của hoạt động tư pháp, khi xét xử các vụ án xâm phạm ANQG đòi hỏi có kiến thức chuyên môn giỏi, thuần thực về thủ tục tố tụng hình sự, có kinh nghiệm điều khiển phiên tòa. Cùng với đó, thẩm phán cần nắm chắc các nội dung về thể chế chính trị, về quyền lực nhà nước và cơ chế thực hiện quyền lực nhà nước, về đấu tranh giai cấp và đấu tranh giai cấp, về tập trung dân chủ, về dân chủ và thực hiện dân chủ, về tín ngưỡng tôn giáo, nắm chắc các quy định về tổ chức, hoạt động của bộ máy nhà nước, của hệ thống chính trị. Về tổng thể, thẩm phán xét xử loại án này là

những thẩm phán giỏi về nghiệp vụ, vững vàng về lý luận chính trị, không máy móc, pháp lý đơn thuần; không kinh viện, lý thuyết chung chung.

Ngoài ra, cần chú trọng công tác quy hoạch, đề bạt cán bộ, cần cử những cán bộ ưu tú nhất giữ các vị trí trọng yếu trong các cơ quan bảo vệ pháp luật để tổ chức thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng, nhà nước trong công tác bảo đảm ANTT. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra nội bộ các cơ quan tư pháp để có những đánh giá đúng đắn về mức độ hoàn thành nhiệm vụ, phẩm chất đạo đức, năng lực cán bộ để xem xét đào tạo, luân chuyển hoặc miễn nhiệm, xử lý kịp thời, nghiêm minh những cán bộ yếu kém, vi phạm pháp luật.

Để đảm bảo hoạt động điều tra đạt hiệu quả cao đòi hỏi cần chú trọng công tác đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ điều tra viên đặc biệt là ở những địa phương có nhiều khả năng xảy ra các vụ án phá hoại chính sách đoàn kết như vùng Tây Bắc, Tây Nguyên... Thường xuyên bổ sung, hoàn thiện lý luận về điều tra các vụ án xam phạm ANQG nói chung và tội phá hoại chính sách đoàn kết nói riêng nghiêm, tổ chức các buổi hội thảo, trao đổi kinh nghiệm giữa các điều tra viên. Cần có chính sách đãi ngộ phù hợp, khen thưởng xứng đáng với cán bộ có thành tích trong công cuộc đấu tranh phòng chống tội phá hoại chính sách đoàn kết. Cần đảm bảo chế độ về tiền lương, phụ cấp phù hợp với chức vụ và nhiệm vụ. Từ đó, tạo động lực mạnh mẽ thúc đẩy các hoạt động tư pháp được tiến hành bài bản, khoa học hơn.

3.2.5. Mở rộng, tăng cường hợp tác quốc tế, nhất là đối với các quốc gia có chung đường biên giới đất liền với nước ta

Hiện nay, xu thế hợp tác quốc tế đang trở thành xu thế chủ đạo. Không một quốc gia nào lại hoàn toàn khép mình, tách biệt ra khỏi các quan hệ xã hội với các quốc gia khác. Việc mở rộng quan hệ hợp tác quốc tế trong lĩnh vực tư pháp hình sự nói chung và đối với hoạt động phòng, chống tội phá hoại chính sách đoàn kết nói riêng là yêu cầu có tính cấp bách hiện nay, đặc

biệt là đối với các quốc gia có chung đường biên giới đất liền với nước ta xuất phát từ thực tế khách quan về đặc điểm các vụ phá hoại chính sách đoàn kết với đối tượng phạm tội phần lớn là đồng bào các dân tộc thiểu số. Hiện nay, phần lớn các dân tộc thiểu số ở nước ta cư trú ở các vùng miền núi, trung du, cao nguyên, dọc biên giới đất liền giữa nước ta với các nước láng giềng (Trung Quốc, Lào, Campuchia), chiếm $\frac{3}{4}$ diện tích cả nước, là những địa bàn có vị trí chiến lược quan trọng về an ninh và quốc phòng, là “phên dậu” của tổ quốc. Lợi dụng sự phức tạp về địa bàn, tạo thuận lợi các đối tượng phạm tội có thể lẩn trốn các hoạt động bắt giữ của các cơ quan tiến hành tố tụng hoặc tiến hành thâm nhập về nước thực hiện các hoạt động tuyên truyền, kích động, phá hoại khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

Cùng với đó, nước ta là nơi tiếp nhận, giao thoa của nhiều luồng di cư, thiên di lớn của các chủng tộc người Trung Á, Nam Trung quốc xuống; từ phía Tây Ấn Độ sang và từ các đảo ngoài khơi vào,... vì thế, nguồn gốc của các dân tộc thiểu số ở nước ta khá phức tạp. Theo các cứ liệu khoa học dân tộc học, lịch sử, khảo cổ... có những dân tộc có nguồn gốc bản địa, cư trú lâu đời ở Việt Nam, có quá trình phát triển tộc người trên những khu vực đang phân bố như: Tày, Mường, LaHa,... có những dân tộc từ nơi khác đến, toàn bộ hoặc một bộ phận như dân tộc Thái có bộ phận từ Nam Trung quốc xuống khoảng thế kỷ VII và từ Lào sang khoảng thế kỷ VIII cho đến những năm 40 của thế kỷ XX; người Mông, Nùng, Giáy, Hoa... từ Trung quốc vào Việt Nam trên dới 300 năm; dân tộc KơMe từ Lào chuyển sang trên 100 năm nay. Trong đồng bào vẫn mang tư tưởng dân tộc hẹp hòi, tâm lý mặc cảm, tự ty, kỳ thị dân tộc, dễ tin, dễ ngờ, coi trọng mối quan hệ thân tộc, đồng tộc. Từ đó, tạo điều kiện thuận lợi cho các đối tượng phạm tội kích động các tư tưởng ly khai dân tộc, thành lập các nhà nước, các vương quốc riêng, phá hoại sự thống nhất của quốc gia.

Bên cạnh đó, trong những trường hợp nhất định, hoạt động áp dụng pháp luật hình sự trong điều tra tội phạm phải dựa trên cơ sở pháp luật là các điều ước quốc tế mà Việt Nam ký kết hoặc tham gia, các thỏa thuận quốc tế

giữa Bộ Công an Việt Nam với các cơ quan chức năng của các nước trên thế giới như: Công ước quốc tế về các quyền dân sự và chính trị; Công ước Viên 1961 của Liên hợp quốc về quan hệ ngoại giao; Công ước Viên 1963 của Liên hợp quốc về quan hệ lãnh sự; Công ước về quyền ưu đãi và miễn trừ của Liên hợp quốc; các Hiệp định tương trợ tư pháp hình sự, hiệp định dẫn độ tội phạm đã ký kết giữa nước Cộng hòa XHCN Việt Nam với các nước, các Hiệp định hợp tác giữa Bộ Công an nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam với Bộ Công an nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa, với Bộ An ninh nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào... Đây là những cơ sở pháp lý quan trọng góp phần thực hiện tốt công tác phòng chống tội phạm xâm phạm ANQG nói chung và tội phá hoại chính sách đoàn kết nói riêng.

Tại Nghị quyết số 49-NQ/TW của Bộ Chính trị về Chiến lược Cải cách tư pháp đến năm 2020 về tăng cường hợp tác quốc tế về tư pháp, Đảng ta đã xác định “Tổ chức thực hiện tốt các điều ước quốc tế mà Nhà nước ta đã tham gia. Tiếp tục ký kết hiệp định tương trợ tư pháp với các nước khác, trước hết là với các nước láng giềng, các nước trong khu vực và các nước có quan hệ truyền thống. Tăng cường sự phối hợp chung trong hoạt động phòng ngừa và đấu tranh chống tội phạm có yếu tố quốc tế và khủng bố quốc tế với các tổ chức INTERPOL, ASEANPOL,... với cảnh sát các nước láng giềng và khu vực, với cảnh sát một số quốc gia có nhiều công dân Việt Nam sinh sống, lao động, học tập”. Đây là quan điểm hoàn toàn đúng đắn, có tính chiến lược trong giai đoạn hiện nay. Thông qua hoạt động hợp tác quốc tế, góp phần ngăn chặn, đấu tranh với các luận điệu xuyên tạc, bôi nhọ Đảng và Nhà nước ta của các thế lực thù địch và các đối tượng phản động, góp phần xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN vững mạnh.

Kết luận Chương 3

Tại kỳ họp khóa 10, Quốc hội khóa XIII thông qua Bộ luật hình sự năm 2015 nhưng do Bộ luật hình sự có nhiều sai sót nên hiệu lực thi hành bị lùi lại theo Nghị quyết 144/2016/QH13 ngày 29/6/2016. Hiện nay, BLHS năm 1999 (được sửa đổi, bổ sung năm 2009) vẫn tiếp tục được áp dụng phục vụ công tác phòng, chống tội phạm, bảo vệ và thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, góp phần tích cực vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam XHCN. Tuy nhiên, do thời điểm ban hành đã được 18 năm nên đã bộc lộ nhiều hạn chế trong quy định đối với các tội phạm nói chung và tội phá hoại chính sách đoàn kết nói riêng như: hành vi khách quan mô tả chung chung, trừu tượng, bỏ lọt tội phạm, tình tiết định khung hình phạt và mức hình phạt trong cấu thành tội phạm giảm nhẹ chưa phù hợp... gây khó khăn trong quá trình áp dụng pháp luật hình sự.

Trên cơ sở đó, tác giả đề xuất một số giải pháp như: Chủ động phòng ngừa, kịp thời phát hiện, đấu tranh với hoạt động phá hoại chính sách đoàn kết; tăng cường công tác hướng dẫn, giải thích những quy định của pháp luật về tội phá hoại chính sách đoàn kết; tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật về ANQG, về âm mưu, thủ đoạn phá hoại chính sách đoàn kết của các thế lực thù địch và các đối tượng phản động; nâng cao trình độ chuyên môn, tăng cường bản lĩnh chính trị và đạo đức cách mạng cho cán bộ tư pháp, mở rộng, tăng cường hợp tác quốc tế, nhất là đối với các quốc gia có chung đường biên giới đất liền với nước ta.

KẾT LUẬN

Giữ vững an ninh quốc gia, trấn áp sự chống phá cách mạng của các thế lực thù địch; bảo vệ trật tự pháp luật, các quyền và lợi ích của công dân; bảo vệ Tổ quốc XHCN là những nhiệm vụ bắt nguồn từ đòi hỏi khách quan, chứ không phải là mong muốn chủ quan của Đảng và Nhà nước ta. Đặc biệt, trong tình hình hiện nay, các thế lực thù địch và các đối tượng phản động luôn tìm cách tấn công và tiêu diệt CNXH, thông qua các hoạt động tuyên truyền, kích động gây chia rẽ giữa các tầng lớp nhân dân, giữa nhân dân với chính quyền nhân dân, lực lượng vũ trang, các tổ chức chính trị - xã hội, gây hằn thù, kỳ thị, chia rẽ dân tộc, xâm phạm quyền bình đẳng trong cộng đồng các dân tộc Việt Nam, gây chia rẽ người theo tôn giáo với người không theo tôn giáo, chia rẽ các tín đồ tôn giáo với chính quyền nhân dân, các tổ chức xã hội, phá hoại việc thực hiện chính sách đoàn kết quốc tế, tiến tới hình thành, tập hợp lực lượng tổ chức bạo loạn, lật đổ chính quyền nhân dân. Đấu tranh phòng, chống các tội xâm phạm ANQG nói chung, tội phá hoại chính sách đoàn kết nói riêng là để giữ vững chính quyền, bảo vệ thành quả cách mạng, tạo môi trường thuận lợi cho công cuộc xây dựng CNXH.

Xuất phát từ tính chất, mức độ nguy hiểm của tội phạm phá hoại chính sách đoàn kết nên đã được quy định từ khá sớm trong PLHS nước ta từ các văn bản pháp luật đầu tiên quy định về các tội xâm phạm ANQG của Nhà nước ta sau Cách mạng tháng 8 năm 1945 như Sắc lệnh số 133-SL ngày 20/01/1953 về trừng trị các loại Việt gian và phản động của Chủ tịch nước Việt Nam dân chủ Cộng hòa, Pháp lệnh về trừng trị các tội phản cách mạng được Ủy ban Thường vụ Quốc hội nước VNDCCH thông qua ngày 30-10-1967; Sắc luật số 03/SL-76 của Hội đồng chính phủ quy định về tội phạm và hình phạt năm 1976 tới BLHS năm 1985, BLHS năm 1999 và BLHS năm 2015. Trên cơ sở quy định của PLHS, các cơ quan chức năng nhà nước đã tiến hành đấu tranh,

xử lý, trấn áp các hành vi phá hoại khối đại đoàn kết toàn dân tộc, bảo vệ vững chắc chính quyền nhân dân trong mọi thời kỳ cách mạng.

Hiện nay, do nhiều sự thay đổi của tình hình thực tế, tội phá hoại chính sách đoàn kết được quy định tại Điều 87 BLHS năm 1999 đã bộc lộ nhiều hạn chế, thiếu sót, ảnh hưởng không nhỏ tới quá trình áp dụng pháp luật của các cơ quan tiến hành tố tụng như: việc mô tả các hành vi phạm tội chưa khoa học, còn chung chung, trừu tượng, khó hiểu, thiếu các văn bản hướng dẫn đối với loại tội phạm này, đặc biệt là hướng dẫn đối với Khoản 2 phạm tội “trong trường hợp ít nghiêm trọng”.... Từ những bất cập đó, tác giả đã đề xuất một số giải pháp cụ thể nhằm hoàn thiện pháp luật, nâng cao hiệu quả áp dụng các quy định của PLHS Việt Nam như: Chủ động phòng ngừa, kịp thời phát hiện, ngăn chặn đấu tranh có hiệu quả đối với các hành vi phá hoại chính sách đoàn kết, Tăng cường công tác hướng dẫn, giải thích những quy định của Bộ luật hình sự về tội phá hoại chính sách đoàn kết; Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về tội phá hoại chính sách đoàn kết và âm mưu, phương thức, thủ đoạn phá hoại chính sách đoàn kết của các thế lực thù địch và các đối tượng phản động; Nâng cao trình độ chuyên môn, bản lĩnh chính trị và đạo đức cách mạng của cán bộ tư pháp.

Bên cạnh đó, tuy không đề cập vào luận văn nhưng những quy định trong BLHS năm 2015 về tội phá hoại chính sách đoàn kết đã cơ bản đáp ứng được yêu cầu của thực tiễn đấu tranh, phòng chống tội phạm. Tuy nhiên, do còn tồn tại một số sai sót nên BLHS này đang tiếp tục được sửa đổi, bổ sung. Do vậy, các nhà làm luật cần nhanh chóng hoàn thiện BLHS năm 2015 đưa vào áp dụng, phục vụ yêu cầu xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN, bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam XHCN.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Công an (2011), Giáo trình luật hình sự Việt Nam (phần các tội phạm) dùng cho đào tạo trình độ đại học CAND, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.
2. Bộ Công an (2011), Giáo trình luật hình sự Việt Nam (phần chung) dùng cho đào tạo trình độ đại học CAND, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.
3. Lê Cẩm (chủ biên) (2007), *Bảo vệ an ninh quốc gia, an ninh quốc tế và các quyền con người bằng pháp luật hình sự trong giai đoạn xây dựng Nhà nước pháp quyền*, Nxb Tư pháp, Hà Nội.
4. Lê Cẩm (Chủ biên) (2003), *Giáo trình luật hình sự Việt Nam (Phần các tội phạm)*, Nxb Đại học Quốc gia, Hà Nội.
5. Lê Văn Cẩm (1999), *Hoàn thiện pháp luật hình sự Việt Nam trong giai đoạn xây dựng nhà nước pháp quyền, một số vấn đề cơ bản của phần Chung*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.
6. Lê Văn Cẩm (2005) *Sách chuyên khảo sau đại học: Những vấn đề cơ bản trong khoa học luật hình sự (Phần chung)*, Nxb Đại học quốc gia, Hà Nội.
7. Đỗ Văn Dũng (2015), *Tội phá hoại chính sách đoàn kết trong luật hình sự Việt Nam*, Luận văn thạc sĩ Luật học, Trường Đại học Quốc gia.
8. Đảng Cộng sản Việt Nam (2002), *Nghị quyết số 08-NQ/TW ngày 02/01/2002 của Bộ chính trị về một số nhiệm vụ trọng tâm công tác tư pháp trong thời gian tới*, Hà Nội.
9. Đảng Cộng sản Việt Nam (2005), *Nghị quyết số 48-NQ/TW ngày 24/5/2005 của Bộ chính trị về chiến lược xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam đến năm 2010, định hướng đến năm 2020*, Hà Nội.
10. Đảng Cộng sản Việt Nam (2005), *Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 02/6/2005 của Bộ chính trị về chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020*, Hà Nội.

11. Đảng Cộng sản Việt Nam (2006), *Văn kiện đại hội Đảng toàn quốc lần thứ X*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
12. Đảng Cộng sản Việt Nam (2011), *Văn kiện đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XI*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
13. Đảng Cộng sản Việt Nam (2016), *Văn kiện đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XII*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
14. Vũ Cao Đàm (2011), *Giáo trình khoa học chính sách*, Nxb Đại học quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
15. Bạch Thành Định (2001), *Các tội xâm phạm an ninh quốc gia trong Luật hình sự Việt Nam*, Luận án tiến sĩ Luật học, Trường Đại học Luật Hà Nội.
16. Đinh Bích Hà (Dịch và giới thiệu) (2007) *Bộ luật hình sự của nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa*, Nxb Tư pháp, Hà Nội.
17. Nguyễn Ngọc Hòa (2006), *Tội phạm và cấu thành tội phạm, (In lần thứ hai, có sửa chữa, số sung)*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.
18. Nguyễn Ngọc Hòa (Chủ biên), (2006), *Giáo trình Luật hình sự Việt Nam (Tập I)*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.
19. Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao (1986), *Nghị quyết số 04-NQ/HĐTPTANDTC ngày 29/11/1986 về Hướng dẫn áp dụng một số quy định trong Phần các tội phạm của BLHS*.
20. Hồ Chí Minh (2009), *Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
21. Nguyễn Xuân Nghiêm (2001), *Tội phạm học và phòng ngừa tội phạm*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.
22. Hoàng Phê (Chủ biên), (2002), *Từ điển Tiếng Việt*, Viện ngôn ngữ học, Nxb Đà Nẵng.
23. Quốc hội (1985), *Bộ luật hình sự nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 1985*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

24. Quốc hội (1999), *Bộ luật hình sự nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 1999*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
25. Quốc hội (2004), *Luật an ninh quốc gia*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
26. Quốc hội (2014), *Luật công an nhân dân*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
27. Quốc hội (2013), *Hiến pháp nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
28. Quốc hội (2015), *Bộ luật hình sự nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2015*, Nxb Lao động, Hà Nội.
29. Trần Đại Quang (1996), *Tăng cường quản lý nhà nước về an ninh quốc gia ở nước ta hiện nay*, Luận án tiến sĩ Luật học, Hà Nội.
30. Kiều Đình Thụ (1997), *Các tội phạm xâm phạm an ninh quốc gia, lịch sử, thực trạng và phương hướng hoàn thiện*, Thông tin khoa học pháp lý, Bộ Tư pháp.
31. Nguyễn Quang Thiệm (2003), *Vai trò của pháp luật trong cuộc đấu tranh chống lợi dụng nhân quyền bảo vệ an ninh quốc gia ở nước ta hiện nay*, Luận án tiến sĩ khoa học.
32. Phạm Thị Khánh Toàn (2010), *Tội phá hoại chính sách đoàn kết trong luật hình sự Việt Nam*, Luận văn thạc sĩ luật học, Đại học quốc gia Hà Nội.
33. Tòa án nhân dân tối cao, *hệ thống hóa tài liệu hình sự*, Hà Nội.
34. Trần Quang Tiệp (2003), *Lịch sử luật hình sự Việt Nam*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
35. Trường Đại học Luật Hà Nội (2001), *Giáo trình Lý luận về nhà nước và pháp luật*, Nhà xuất bản Công an nhân dân, Hà Nội.
36. Trường Đại học Luật Hà Nội (2006), *Giáo trình luật hình sự (tập 1)*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.

37. Trường Đại học Luật Hà Nội (2011), *Bộ luật hình sự Liên Bang Đức*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.
38. Trường Đại học Luật Hà Nội (2011), *Bộ luật hình sự Liên Bang Nga*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.
39. Trường Đại học Luật Hà Nội (2011), *Bộ luật hình sự Thụy Điển*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.
40. Đào Chí Úc (1997), *Nhà nước và pháp luật của chúng ta trong sự nghiệp đổi mới*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
41. Đào Chí Úc (Chủ biên), (1994), *Những vấn đề lý luận của việc đổi mới pháp luật hình sự trong giai đoạn hiện nay*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.
42. Viện khoa học pháp lý (1987), *Bình luận khoa học Bộ luật hình sự*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
43. Viện khoa học pháp lý (1995), *Hình phạt trong luật hình sự Việt Nam*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
44. Võ Khánh Vinh (2013), *Giáo trình lý luận chung về định tội danh*, NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội.

PHỤ LỤC

Phụ lục 01: THỐNG KÊ SỐ VỤ ÁN VÀ BỊ CAN TỘI PHÁ HOẠI CHÍNH SÁCH ĐOÀN KẾT TỪ NĂM 2000 ĐẾN NĂM 2016

Năm	Vụ án	Bị can
2000	1	4
2001	0	0
2002	6	49
2003	11	39
2004	41	266
2005	47	183
2006	25	94
2007	29	111
2008	19	58
2009	7	11
2010	8	19
2011	15	31
2012	4	11
2013	5	10
2014	4	8
2015	1	3
2016	3	8
Tổng số	226	905

Nguồn: Bộ Công an

Phụ lục 02: TỶ LỆ PHẦN TRĂM (%) SỐ VỤ ÁN VÀ BỊ CAN PHẠM TỘI XÂM PHẠM AN NINH QUỐC GIA THEO TỘI DANH TỪ NĂM 2000 ĐẾN NĂM 2016

Tội danh	Tỉ lệ %	Vụ án	Bị can
Điều 79		8,5%	9%
Điều 80		8,7%	5.2%
Điều 82		0,2%	0,1%
Điều 83		1%	2,4%
Điều 84		4,9%	3,8%
Điều 87		44%	52,1%
Điều 88		22%	10,7%
Điều 89		5,3%	9,3%
Điều 91		5,4%	7,4%

Nguồn: Bộ Công an

Phụ lục 03: TRÍCH QUY ĐỊNH TỘI PHÁ HOẠI CHÍNH SÁCH ĐOÀN KẾT THEO TÀI LIỆU HÌNH SỰ VIỆT NAM

1. SẮC LỆNH SỐ 133 - SL NGÀY 20/01/1953 CỦA CHỦ TỊCH NƯỚC VIỆT NAM DÂN CHỦ CỘNG HOÀ TRỪNG TRỊ CÁC LOẠI VIỆT GIAN VÀ PHẢN ĐỘNG

Điều 12. Kẻ nào vì mục đích phản quốc, gây hiểm khích để phá hoại sự đoàn kết kháng chiến của các dân tộc trong nước, các tầng lớp nhân dân, các tôn giáo, các đảng phái và đoàn thể dân chủ, chia rẽ nhân dân với Chính phủ, chia rẽ nhân dân Việt Nam với nhân dân các nước bạn Miên, Lào, phá hoại tình hữu nghị giữa nhân dân Việt Nam với nhân dân Liên Xô, Trung Quốc và các nước dân chủ nhân dân khác, sẽ bị phạt tù từ 10 năm trở xuống. Nếu tội trạng nặng, sẽ bị phạt tù từ 10 năm đến chung thân, hoặc sẽ bị xử tử hình.

2. PHÁP LỆNH TRỪNG TRỊ CÁC TỘI PHẢN CÁCH MẠNG NGÀY 30/10/1967

Điều 12. Tội phá hoại khối đoàn kết toàn dân.

Kẻ nào vì mục đích phản cách mạng mà tuyên truyền, tổ chức hoặc có những hành động khác nhằm:

1. Phá hoại khối đoàn kết và thống nhất dân tộc, gây hiểm khích và chia rẽ trong nhân dân, trong các lực lượng vũ trang nhân dân, chia rẽ Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, chia rẽ nhân dân với chính quyền, chia rẽ nhân dân với lực lượng vũ trang nhân dân chia rẽ lực lượng vũ trang nhân dân với cơ quan Nhà nước;

2. Phá hoại chính sách dân tộc, gây hằn thù, xích mích giữa các dân tộc anh em cùng sống chung trên đất nước Việt Nam;

3. Phá hoại chính sách tôn giáo, gây chia rẽ giữa các tôn giáo, chia rẽ giữa người theo tôn giáo với người không theo tôn giáo, chia rẽ giữa các tín

đồ tôn giáo với chính quyền; lợi dụng tín ngưỡng xâm phạm đến quyền tự do dân chủ của tín đồ, cản trở họ làm nghĩa vụ công dân hoặc tham gia các đoàn thể nhân dân, các hợp tác xã, các tổ chức quân sự, kinh tế, văn hoá và xã hội; thì bị phạt tù từ 5 năm đến 15 năm.

3. SẮC LUẬT SỐ 03/SL-76 CỦA HỘI ĐỒNG CHÁNH PHỦ QUY ĐỊNH CÁC TỘI PHẠM VÀ HÌNH PHẠT

Điều 3 - Tội phản cách mạng

Tội phản cách mạng là tội chống lại Tổ quốc, phá hoại độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ, phá hoại quốc phòng, phá hoại cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân và sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội.

a) Phạm tội phản quốc hoặc âm mưu lật đổ chính quyền thì bị phạt tù 20 năm, tù chung thân hoặc bị xử tử hình.

b) Phạm tội gián điệp thì bị phạt tù từ 5 năm đến 12 năm. Trường hợp nghiêm trọng, thì bị phạt tù đến 20 năm, tù chung thân hoặc bị xử tử hình.

c) Vì mục đích phản cách mạng mà phá hoại khối đoàn kết và thống nhất dân tộc, phá hoại quốc phòng, phá hoại trật tự, an ninh, phá hoại kinh tế, tài chính, văn hoá và xã hội thì bị phạt tù từ 5 năm đến 10 năm. Trường hợp nghiêm trọng, thì bị phạt tù đến 20 năm, tù chung thân hoặc bị xử tử hình.

d) Phạm tội cố ý tuyên truyền xuyên tạc nhằm lung lạc tinh thần, gây hoang mang rối loạn, chống chính quyền cách mạng, phá hoại chế độ, thì bị phạt tù từ 2 năm đến 10 năm.

đ) Biết rõ là phần tử phản cách mạng mà che giấu thì bị phạt tù từ 1 đến 7 năm.

4. BỘ LUẬT HÌNH SỰ NĂM 1985

Điều 81. Tội phá hoại chính sách đoàn kết.

1- Người nào có một trong những hành vi sau đây nhằm chống chính quyền nhân dân thì bị phạt tù từ năm năm đến mười lăm năm:

a) Gây chia rẽ giữa các tầng lớp nhân dân, giữa nhân dân với lực lượng vũ trang, chính quyền nhân dân, với các tổ chức xã hội;

b) Gây hằn thù, miệt thị, chia rẽ dân tộc, xâm phạm quyền bình đẳng trong cộng đồng các dân tộc Việt Nam;

c) Gây chia rẽ người theo tôn giáo với người không theo tôn giáo, chia rẽ các tín đồ tôn giáo với chính quyền nhân dân, các tổ chức xã hội;

d) Phá hoại việc thực hiện chính sách đoàn kết quốc tế.

2- Phạm tội trong trường hợp ít nghiêm trọng thì bị phạt tù từ hai năm đến bảy năm.

5. BỘ LUẬT HÌNH SỰ NĂM 1999

Điều 87. Tội phá hoại chính sách đoàn kết

1. Người nào có một trong những hành vi sau đây nhằm chống chính quyền nhân dân, thì bị phạt tù từ năm năm đến mười lăm năm:

a) Gây chia rẽ giữa các tầng lớp nhân dân, giữa nhân dân với lực lượng vũ trang, với chính quyền nhân dân, với các tổ chức xã hội;

b) Gây hằn thù, kỳ thị, chia rẽ dân tộc, xâm phạm quyền bình đẳng trong cộng đồng các dân tộc Việt Nam;

c) Gây chia rẽ người theo tôn giáo với người không theo tôn giáo, chia rẽ các tín đồ tôn giáo với chính quyền nhân dân, với các tổ chức xã hội;

d) Phá hoại việc thực hiện chính sách đoàn kết quốc tế.

2. Phạm tội trong trường hợp ít nghiêm trọng thì bị phạt tù từ hai năm đến bảy năm.

6. BỘ LUẬT HÌNH SỰ NĂM 2015

Điều 116. Tội phá hoại chính sách đoàn kết

1. Người nào thực hiện một trong những hành vi sau đây nhằm chống chính quyền nhân dân, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 15 năm:

a) Gây chia rẽ giữa các tầng lớp nhân dân, giữa nhân dân với chính quyền nhân dân, với lực lượng vũ trang nhân dân, với các tổ chức chính trị - xã hội;

b) Gây hằn thù, kỳ thị, chia rẽ, ly khai dân tộc, xâm phạm quyền bình đẳng trong cộng đồng các dân tộc Việt Nam;

c) Gây chia rẽ người theo tôn giáo với người không theo tôn giáo, giữa người theo các tôn giáo khác nhau, chia rẽ các tín đồ tôn giáo với chính quyền nhân dân, với các tổ chức chính trị - xã hội;

d) Phá hoại việc thực hiện chính sách đoàn kết quốc tế.

2. Phạm tội trong trường hợp ít nghiêm trọng, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm.

3. Người chuẩn bị phạm tội này, thì bị phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.